

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

Sinh viên : Trần Thùy Dung

Giảng viên hướng dẫn: ThS Lê Thành Công

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN
VĂN CỦA THÀNH PHỐ HƯNG YÊN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)**

Sinh viên : Trần Thùy Dung

Giảng viên hướng dẫn: ThS Lê Thành Công

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thùy Dung Mã SV: 1412601026

Lớp : VH1801 Ngành: Việt Nam học (Văn hóa du lịch)

Tên đề tài: Đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tổng hợp và phân tích những vấn đề lý luận cơ bản, về tài nguyên du lịch nhân văn, du lịch và mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch nhân văn và du lịch, lý luận về đánh giá tài nguyên du lịch.
- Đánh giá giá trị các tài nguyên du lịch nhân văn, thực trạng khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn, thực trạng khai thác các tài nguyên đó và thực trạng hoạt động du lịch của thành phố Hưng Yên.
- Đề xuất các giải pháp bảo vệ và khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Phó Hiến lịch sử văn hóa, Luật du lịch Việt Nam, Địa lý du lịch (Nguyễn Minh Tuệ) Nhập môn khoa học du lịch (Trần Đức Thanh)...
- Số lượng di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề, khách du lịch hàng năm của thành phố Hưng Yên, thống kê khách sạn, cơ cấu lao động của ngành du lịch và một số số liệu khác.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Lê Thành Công

Học hàm, học vị : ThS

Cơ quan công tác : Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:Đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố
Hưng Yên.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 06 tháng 01 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Trần Thùy Dung

ThS. Lê Thành Công

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: ThS. Lê Thành Công
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Trần Thùy Dung Chuyên ngành: Văn hóa du lịch
Đề tài tốt nghiệp: Đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2019
Giảng viên hướng dẫn

ThS. Lê Thành Công

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
LỜI MỞ ĐẦU	2
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN	7
1.1. Tài nguyên du lịch.....	7
1.1.1. Khái niệm.....	7
1.1.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch.....	8
1.1.3. Phân loại tài nguyên du lịch.....	8
1.2. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn đối với phát triển du lịch.....	10
1.3. Tiêu chí đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn.....	11
1.3.1. Di tích lịch sử văn hóa.....	12
1.3.2. Lễ hội truyền thống.....	12
1.3.3. Làng nghề thủ công truyền thống.....	12
1.3.4. Nghệ thuật dân gian.....	13
Tiểu kết chương 1	14
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG DU LỊCH NHÂN VĂN CỦA THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	15
2.1 Khái quát về du lịch Hưng Yên.....	15
2.1.1. Vị trí địa lý.....	15
2.1.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.....	15
Bảng 2.1.2. Thống kê số khách sạn được xếp hạng ở thành phố Hưng Yên.....	16
2.1.3. Thị trường khách du lịch.....	17
Bảng 2.1.3 Thực trạng khách du lịch đến Hưng Yên thời kỳ 2012 – 2016.....	17
2.1.4. Đội ngũ lao động.....	18
Bảng 2.1.4. Cơ cấu đào tạo lao động ngành du lịch của thành phố Hưng Yên..	18
2.2. Phân tích và đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên.....	19
2.2.1. Di tích lịch sử văn hóa.....	19

2.2.2 Lễ hội truyền thống	32
2.2.3 Nghệ thuật dân gian.....	38
2.2.4 Nghệ thuật ẩm thực	43
2.2.5 Làng nghề truyền thống.....	47
Tiêu kết chương 2.....	53
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN CỦA THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	54
3.1. Mục tiêu phương hướng phát triển du lịch của thành phố Hưng Yên.....	54
3.1.1. Mục tiêu.....	54
3.1.2. Phương hướng	54
3.1. Đề xuất giải pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch nhân văn.....	55
3.2.1. Giải pháp chung.....	55
3.2.2. Một số giải pháp cụ thể.....	56
3.2. Một số đề nghị	60
3.3.1. Kiến nghị với nhà nước và tổng cục du lịch	60
3.3.2. Kiến nghị với tỉnh Hưng Yên	61
Tiêu kết chương 3.....	63
KẾT LUẬN	64
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	65
Phụ Lục	66

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới Thạc sĩ Lê Thành Công - người thầy đã chỉ bảo, hướng dẫn, giúp đỡ em trong việc định hướng, triển khai và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Trong quá trình làm khóa luận “Đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên”, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của công ty, cá nhân về công tác điều tra, khảo sát, thông tin, số liệu và hình ảnh. Em xin gửi lời cảm ơn tới các cán bộ Phòng Nghiệp vụ Du lịch, phòng Dự án Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch thành phố Hưng Yên đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho em có những hiểu biết sâu sắc về du lịch Hưng Yên và có được những tư liệu cần thiết trong suốt quá trình thực hiện Khoá luận này.

Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Ban Giám hiệu nhà trường, Khoa Văn hóa du lịch trường đại học dân lập Hải phòng đã tạo điều kiện cho em có cơ hội học tập tốt trong 4 năm học vừa qua. Em xin chúc các thầy cô luôn mạnh khỏe, công tác tốt, mãi mãi là những người “lái đò” cao quý trong những “chuyến đò” tương lai.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Sinh viên

Trần Thùy Dung

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Mỗi khi nhắc đến Hưng Yên, là nhắc đến một vùng đất giàu truyền thống văn hóa và nói đến Hưng Yên là người ta nhớ ngay đến một vùng đất “Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến”. Toàn tỉnh có 1210 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 159 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia, 89 di tích được công nhận cấp tỉnh, cùng hàng ngàn hiện vật, cổ vật có giá trị và là nơi có nhiều di tích lịch sử xếp hạng cấp Quốc gia đứng thứ 2 cả nước. Hưng Yên là vùng đất rất nhiều tiềm năng để khai thác và phát triển du lịch. Nhưng những năm đầu sau khi tái lập tỉnh, du lịch Hưng Yên gặp không ít khó khăn, thách thức, các hoạt động du lịch phát triển chậm, không được đầu tư cơ sở vật chất mới, các cơ sở vật chất cũ đã xuống cấp.

Với việc nghiên cứu đề tài: “Đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên” em sẽ có điều kiện đánh giá giá trị tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên, nhận diện rõ hơn về mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch nhân văn và việc khai thác các tài nguyên đó để phục vụ phát triển du lịch của thành phố Hưng Yên, về thực tiễn vấn đề phát triển du lịch dựa trên nền tảng kế thừa và phát huy di sản văn hoá Hưng Yên-một vùng đất địa linh nhân kiệt. Đề tài sẽ góp phần đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa hoạt động khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn phục vụ du lịch và ngược lại ở thành phố Hưng Yên và đề xuất những biện pháp nhằm giải quyết tốt mối quan hệ này. Đây là vấn đề vừa có ý nghĩa lý luận cơ bản, vừa có ý nghĩa thực tiễn cấp bách góp phần vào việc xây dựng và phát triển thành phố nhằm thu hút khách du lịch đến Hưng Yên ngày một nhiều hơn.

Thêm vào đó, là một người con của Hưng Yên từ lâu em đã mong muốn có cơ hội góp phần nào đó công sức của mình để làm cho Hưng Yên ngày một phát triển hơn. Và đề tài này là một dịp tốt để em thực hiện mong muốn đó.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của đề tài là đánh giá đúng giá trị tài nguyên du lịch nhân văn nhằm phát huy vai trò của nó đối với sự phát triển du lịch trong thời kì đổi mới ở thành phố Hưng Yên.

Để thực hiện mục đích trên, đề tài có các nhiệm vụ sau:

- Tổng hợp và phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về tài nguyên du lịch nhân văn và du lịch.

- Đánh giá giá trị các tài nguyên du lịch nhân văn, thực trạng khai thác các tài nguyên đó và thực trạng hoạt động du lịch của thành phố Hưng Yên.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ và khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên.

3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên

Cụ thể như :

- Các di tích lịch sử văn hóa
- Các lễ hội truyền thống
- Các loại hình nghệ thuật dân gian, nghệ thuật ẩm thực
- Các làng nghề thủ công truyền thống

4.Phương pháp nghiên cứu

*** Phương pháp điều tra xã hội học**

Em dùng phương pháp điều tra xã hội học về mức độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch nhân văn thành phố Hưng yên với du khách thông qua phát phiếu.

Số lượng phiếu phát ra là 100 phiếu, thu về 100 phiếu hợp lệ, với tỉ lệ 39% du khách nam, 61% du khách nữ được điều tra, trong đó có 32% du khách làm nghề nông, 27% du khách là cán bộ công nhân viên, 15% du khách là học sinh, sinh viên, còn lại 26% du khách được điều tra làm các ngành nghề khác. Độ tuổi chính của mẫu điều tra là từ 20 đến 60 tuổi, em chọn độ tuổi này vì đa phần du khách đến thăm quan thành phố ở trong độ tuổi này.

Phiếu có 15 câu hỏi, trong đó có 2 câu hỏi về thông tin cá nhân và 13 câu hỏi về mức độ quan tâm của du khách đến tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên.Cụ thể kết quả như sau:

Câu hỏi 1: Về mục đích chuyến du lịch của du khách : 73% chọn du lịch tâm linh,5% chọn tham quan,9% chọn nghiên cứu và 3% chọn mục đích khác.

Câu hỏi 2: Về khoảng thời gian du khách chọn để đi du lịch ở thành phố Hnwg Yên:5% chọn đi trước mùa lễ hội,70% chọn đi trong mùa lễ hội và 25% đi sau mùa lễ hội.

Câu hỏi 3: Về du khách đã đến du lịch thành phố Hưng Yên bao nhiêu lần : 7% chọn 1 lần,19% chọn 2 lần và 74% chọn đã du lịch trên 2 lần.

Câu hỏi 4: Về khi thăm quan di tích lịch sử,du khách thường quan tâm đến điều gì ở di tích:20% chọn quan tâm đến di tích lịch sử.2% chọn quan tâm đến

kiến trúc của di tích.63% du khách quan tâm đến nhân vật được tôn thờ,15% chọn những yếu tố khác.

Câu hỏi 5: Về du khách nhận xét gì về tình trạng bảo quản di tích của ban quản lý?17% cho rằng di tích được bảo quản rất tốt.59% cho rằng di tích được bảo quản tốt,24% cho rằng bảo quản mức trung bình.

Câu hỏi 6: Về du khách nhận xét gì về môi trường cảnh quan của các di tích? 23% cho rằng môi trường cảnh quan rất hài hòa,41% cho rằng môi trường ở mức hài hòa,45% cho rằng môi trường ở mức độ bình thường và 1% cho rằng mức độ môi trường không hài hòa.

Câu hỏi 7: Về du khách nhận xét gì về cách tổ chức lễ hội của thành phố Hưng Yên? 19% du khách cho rằng Hưng Yên tổ chức lễ hội rất tốt có sức hấp dẫn cao,53% du khách cho rằng thành phố Hưng Yên tổ chức tốt và 28% cho rằng tổ chức lễ hội chưa tốt kém hấp dẫn.

Câu hỏi 8: Về du khách nhận xét gì về chất lượng sản phẩm của các làng nghề truyền thống ở Hưng Yên? 83% Du khách cho rằng sản phẩm của các làng nghề có chất lượng tốt,12% cho rằng có chất lượng trung bình,5% cho rằng đạt chất lượng kém.

Câu hỏi 9: Về du khách có nhận xét gì về cách khai thác du lịch làng nghề truyền thống của thành phố Hưng Yên ? 52% cho rằng khai thác du lịch làng nghề truyền thống của thành phố Hưng Yên là tốt rất hấp dẫn du khách,41% cho rằng lại cho rằng đạt mức khá tốt và 7% còn lại cho rằng chưa tốt kém hấp dẫn du khách.

Câu hỏi 10: Về du khách nhận xét gì về ẩm thực truyền thống của thành phố Hưng Yên?89% du khách nhận xét ẩm thực truyền thống của thành phố Hưng Yên hấp dẫn độc đáo,10% cho rằng chỉ đạt mức trung bình và 1% còn lại đạt mức không hấp dẫn.

Câu hỏi 11: Về mức hấp dẫn của tài nguyên du lịch nhân văn thành phố Hưng Yên với quý khách?3% nhận xét độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch nhân văn thành phố Hưng Yên là rất hấp dẫn,71% cho rằng chỉ đạt mức hấp dẫn,26% cho rằng chỉ đạt mức kém hấp dẫn và không có du khách nào nhận xét độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch nhân văn của Thành phố Hưng Yên là không hấp dẫn.

Câu hỏi 12: Về loại tài nguyên du lịch nhân văn nào hấp dẫn quý khách nhất? 53% du khách nhận thấy di tích lịch sử văn hóa là tài nguyên du lịch nhân văn hấp dẫn nhất trong thành phố Hưng Yên,20% lựa chọn cho rằng các lễ hội truyền

thống,18% du khách nhận thấy các làng nghề truyền thống là tài nguyên du lịch hấp dẫn nhất và 9% còn lại nhận thấy các tài nguyên hấp dẫn khác.

Câu hỏi 13:Về lí do nếu du khách không quay lại thành phố Hưng Yên là: 1% du khách cho rằng lý do là tài nguyên du lịch kém hấp dẫn,47% du khách cho rằng là do dịch vụ du lịch kém,45% du khách cho rằng lí do khiến họ không quay lại là môi trường du lịch ô nhiễm và 7% cho rằng là người dân địa phương không thân thiện.

Từ kết quả điều tra trên có thể nhận thấy đa phần du khách đến thăm quan thành phố Hưng Yên làm nghề nông,77 đến thành phố để du lịch tâm linh,70% du lịch vào mùa lễ hội,74% du khách đến trên 2 lần,63% du khách nhận thấy các di tích lịch sử được bảo quản rất tốt,59% du khách được điều tra thấy rằng mức độ hài hòa về môi trường cảnh quan ở các di tích là bình thường,41% nhận xét lễ hội tổ chức tốt và hấp dẫn,53% du khách cho rằng sản phẩm các làng nghề truyền thống là tốt,52%% trong đó cũng hco rằng chính quyền địa phương đã khai thác phục vụ du lịch các làng nghề tốt rất hấp dẫn du khách,về ẩm thực truyền thống thành phố có 89% du khách cho rằng hấp dẫn và độc đáo,71% du khách cho rằng tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố là hấp dẫn trong đó 53% cho rằng di tích lịch sử văn hóa có sức hấp dẫn nhất và lý do khiến họ không quay lại đây du lịch thì 47% cho rằng dịch vụ du lịch kém.

Mức độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch nhân văn thành phố Hưng Yên qua phiếu điều tra phát cho du khách.

STT	Loại tài nguyên nhân văn	Tỷ lệ %	Thứ tự hấp dẫn (thấp dần)
1	Di tích lịch sử văn hóa	53	1
2	Lễ hội	20	2
3	Làng nghề thủ công truyền thống	18	3
4	Tài nguyên nhân văn khác	9	4

Như vậy phần lớn du khách bị hấp dẫn bởi các di tích lịch sử. Từ đó có thể thấy việc bảo vệ tôn tạo và phát huy có hiệu quả những giá trị tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố có ý nghĩa sống còn với việc phát triển du lịch của thành phố Hưng Yên.

***Phương pháp thu thập, xử lý và lựa chọn thông tin:** Tiến hành thu thập thông tin từ nhiều nguồn, nhiều lĩnh vực khác nhau để đảm bảo khối lượng thông tin đầy đủ, chính xác đáp ứng cho đề tài nghiên cứu.

* **Phương pháp so sánh:** So sánh các điểm nổi bật, mạnh, yếu, giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng nghiên cứu nhằm đưa ra giải pháp và đánh giá hợp lý cho đối tượng nghiên cứu.

5. Những đóng góp chủ yếu của khóa luận

- Đề tài tổng hợp, phân tích về mối quan hệ giữa tài nguyên du lịch nhân văn và du lịch trên phương diện lý luận.

- Phân tích, đánh giá những giá trị của tài nguyên du lịch nhân văn – nguồn lực cho phát triển du lịch ở thành phố Hưng Yên.

- Đánh giá thực trạng và đề xuất những giải pháp khả thi nhằm bảo vệ và khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên.

6. Bố cục trình bày của khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục tài liệu tham khảo và phụ lục, khóa luận gồm 3 chương.

Chương 1: Một số lý luận cơ bản về đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn

Chương 2: Thực trạng du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên

Chương 3: Một số giải pháp bảo vệ và khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN

1.1. Tài nguyên du lịch

1.1.1. Khái niệm

Trong cuốn Địa lý du lịch, Nguyễn Minh Tuệ cho rằng: “Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục, phát triển thể lực, trí tuệ của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ. Những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”(NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1997).

Khoản 4 (Điều 4, chương 1) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

Nguyễn Minh Tuệ cho rằng tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên, kinh tế - xã hội văn hóa được sử dụng để phục hồi sức khỏe, phát triển thể lực và tinh thần con người. Trên cơ sở này bà cho rằng địa hình, thủy văn, khí hậu, động – thực vật, di tích lịch sử văn hóa, văn hóa nghệ thuật, lễ hội,...là những tài nguyên du lịch. Song thực tế không phải bất cứ mọi dạng, mọi kiểu địa hình, tất cả các kiểu khí hậu các yếu tố khí hậu hay các giá trị văn hóa,...đều có khả năng hấp dẫn khách cũng như có khả năng kinh doanh du lịch.

Và THS. Bùi Thị Hải Yến đưa ra khái niệm tài nguyên du lịch trong cuốn Tài nguyên du lịch, tài nguyên du lịch: “là tất cả những gì thuộc về tự nhiên và các giá trị văn hóa do con người sáng tạo ra có sức hấp dẫn du khách, có thể được bảo vệ, tôn tạo và sử dụng cho ngành Du lịch mang lại hiệu quả về kinh tế - xã hội và môi trường”(NXB Giáo dục, 2009).

Em cho rằng khái niệm của Nguyễn Minh Tuệ và khái niệm theo luật Du lịch Việt Nam đưa ra có nhiều điểm giống nhau, cùng do yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, do quá trình lao động sáng tạo của con người, và phục vụ cho hoạt động du lịch. Khái niệm của THS. Bùi Thị Hải Yến về tài nguyên du lịch là khá đầy đủ và cụ thể, dễ hiểu, bà không chỉ nêu ra tài nguyên du lịch là gì mà

còn nói đến việc bảo vệ, tôn tạo, sử dụng tài nguyên đó cho ngành du lịch không chỉ đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội mà còn về môi trường.

1.1.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch

Đặc điểm chung của tài nguyên du lịch:

Một số loại tài nguyên du lịch là đối tượng khai thác của nhiều ngành kinh tế - xã hội. Tài nguyên du lịch có phạm trù lịch sử nên ngày càng có nhiều loại tài nguyên du lịch được nghiên cứu, phát hiện, tạo mới và được đưa vào khai thác, sử dụng. Tài nguyên du lịch mang tính biến đổi.

Hiệu quả và mức độ khai thác tài nguyên du lịch phụ thuộc vào các yếu tố: khả năng nghiên cứu, trình độ phát triển khoa học công nghệ, nguồn tài sản quốc gia. Tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng; có giá trị thẩm mỹ, văn hóa lịch sử, tâm linh, giải trí; có sức hấp dẫn với du khách. Tài nguyên du lịch bao gồm các loại tài nguyên vật thể và tài nguyên phi vật thể. Tài nguyên du lịch là những loại tài nguyên có thể tái tạo được. Tài nguyên du lịch có tính sở hữu chung. Việc khai thác tài nguyên du lịch gắn chặt với vị trí địa lý.

Tài nguyên du lịch thường có tính mùa vụ và việc khai thác tài nguyên mang tính vụ.

Tài nguyên du lịch mang tính diễn giải và cảm nhận.

1.1.3. Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch tự nhiên

Theo khoản 1 (Điều 13, chương II) Luật Du Lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “ Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên đang được khai thác hoặc có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch”.

** Đặc điểm của tài nguyên du lịch tự nhiên.*

Nếu được quy hoạch, bảo vệ, khai thác hợp lí theo hướng bền vững thì phần lớn các loại tài nguyên du lịch tự nhiên được xếp vào loại tự nhiên vô tận, tài nguyên có khả năng tái tạo hoặc có quá trình suy thoái chậm.

Hầu hết việc khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên chịu ảnh hưởng nhiều vào điều kiện thời tiết.

Một số điểm phong cảnh và du lịch dựa vào tài nguyên tự nhiên thường nằm xa các khu đông dân cư.

Tài nguyên du lịch nhân văn

Theo khoản 2 (Điều 13, Chương II) Luật Du Lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “ Tài nguyên du lịch nhân văn gồm truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch”.

Nếu hiểu theo nguồn gốc hình thành có thể hiểu tài nguyên du lịch nhân văn là tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo do con người sáng tạo ra. Tuy nhiên chỉ có những tài nguyên nhân văn có sức hấp dẫn với du khách và có thể khai thác phát triển du lịch để tạo ra hiệu quả xã hội, kinh tế, môi trường mới được gọi là tài nguyên du lịch nhân văn.

Tài nguyên du lịch nhân văn gồm các loại tài nguyên nhân văn vật thể như: các di tích lịch sử, các di tích lịch sử văn hóa, các công trình đương đại, vật kỷ niệm, bảo vật quốc gia. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể gồm các lễ hội, nghề và làng nghề truyền thống, văn hóa nghệ thuật, văn hóa ẩm thực, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, chữ viết, tôn giáo, các nguồn thông tin và nguồn trí thức khoa học, kinh nghiệm sản xuất.

** Đặc điểm của tài nguyên du lịch nhân văn*

Tài nguyên du lịch nhân văn do con người tạo ra nên chịu tác động của thời gian, thiên nhiên và do chính con người. Vì vậy dễ bị suy thoái, hủy hoại và không có khả năng tự phục hồi ngay cả khi không có sự tác động của con người. Vì vậy di tích lịch sử - văn hóa khi bị bỏ hoang cũng bị xuống cấp nhanh chóng; những giá trị văn hóa phi vật thể như những làn điệu dân ca, các vũ khúc, các lễ hội, các làng nghề truyền thống, phong tục tập quán,...khi không được bảo tồn và phát huy có hiệu quả sẽ bị mai một hoặc biến mất. Do vậy, khi khai thác tài nguyên du lịch nhân văn cho mục đích phát triển du lịch cần quan tâm đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo thường xuyên, khoa học và có hiệu quả.

Tài nguyên du lịch nhân văn là do con người sáng tạo ra nên có tính phổ biến. Ở đâu có con người, ở đó có tài nguyên nhân văn. Vì vậy, các địa phương, các quốc gia đều có tài nguyên nhân văn, trong đó có nhiều loại có sức hấp dẫn với du khách, đã hoặc sẽ có thể sử dụng cho phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn ở mỗi vùng, mỗi quốc gia thường mang những đặc sắc riêng. Do điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội là những yếu tố nuôi dưỡng tạo thành tài nguyên du lịch nhân văn ở mỗi địa phương, mỗi quốc gia không giống nhau nên tài nguyên du lịch nhân văn ở mỗi

khu vực, mỗi quốc gia có giá trị đặc sắc riêng, góp phần tạo nên những sản phẩm du lịch độc đáo có sức cạnh tranh và hấp dẫn du khách riêng. Do vậy, trong quá trình khai thác, bảo tồn tài nguyên du lịch nhân văn cần coi trọng việc bảo vệ, phát huy giá trị độc đáo của tài nguyên.

Tài nguyên du lịch nhân văn thường được phân bố gần các khu dân cư, đặc biệt tập trung nhiều ở những khu vực đông dân cư. Bởi nó được sinh ra trong quá trình phát triển xã hội và là sản phẩm do con người sáng tạo ra. Khác với tài nguyên du lịch tự nhiên, việc khai thác phần lớn tài nguyên du lịch nhân văn thường ít chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết gây nên như mưa hay rét nên tính mùa vụ cũng ít hơn so với tài nguyên du lịch tự nhiên.

1.2. Vai trò của tài nguyên du lịch nhân văn đối với phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn có các vai trò đối với hoạt động du lịch như sau: Du lịch là ngành công nghiệp không khói, là một trong những ngành có đóng góp to lớn vào tổng thu nhập quốc dân và là ngành mũi nhọn của nhiều nước phát triển bằng con đường du lịch. Phát triển du lịch đem lại những lợi ích như đóng góp vào sự phát triển của đất nước, tăng nguồn thu ngoại tệ, giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển. Ngành du lịch cũng được coi là ngành thúc đẩy sự hiểu biết văn hóa và hòa bình. Nếu như tài nguyên du lịch tự nhiên thu hút khách bởi sự hoang sơ, hùng vĩ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách bởi tính phong phú, đa dạng và tính truyền thống, cũng như tính địa phương của nó. Các đối tượng văn hóa, tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú, nó đánh dấu sự khác biệt giữa nơi này và nơi khác, quốc gia này với quốc gia khác, dân tộc này với dân tộc khác và là yếu tố thúc đẩy động cơ đi du lịch của du khách, kích thích quá trình lữ hành. Ngày nay du lịch văn hóa là một xu hướng mang tính toàn cầu, trong đó văn hóa trở thành nội hàm, động lực để du lịch phát triển bền vững, giá trị văn hóa khiến sản phẩm du lịch mang đậm nét độc đáo nhân văn, được coi là nguồn tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động du lịch.

Trong những chuyến đi tham quan tài nguyên du lịch nhân văn khách không chỉ được tham quan mà còn có thể tìm hiểu và nghiên cứu khoa học.

Tài nguyên du lịch nhân văn đa số không có tính mùa vụ, không phụ thuộc vào tự nhiên và các điều kiện tự nhiên khác, do vậy tài nguyên du lịch

nhân văn góp phần giảm nhẹ tính mùa, tính thời vụ của các loại hình du lịch khác. Các loại tài nguyên du lịch nhân văn hầu như đều có thể khai thác phục vụ du lịch quanh năm.

1.3. Tiêu chí đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn

Kiểu tâm lý – thẩm mỹ: Kiểu đánh giá này thường dựa vào cảm nhận, sở thích của du khách, dân cư đối với các loại tài nguyên môi trường du lịch thông qua việc điều tra thống kê và điều tra xã hội.

Kiểu sinh khí hậu: Nhằm đánh giá các dạng tài nguyên khí hậu, thời gian thích hợp nhất của sức khỏe con người, hoặc một kiểu hoạt động nào đó khi đi du lịch. Kiểu đánh giá này chủ yếu dựa trên các chỉ số khí hậu, định giá trị của các loại tài nguyên du lịch đối với một số loại hình du lịch nào đó, hoặc làm cơ sở để xác định các điểm du lịch, các khu du lịch, các trung tâm du lịch.

Kiểu đánh giá kỹ thuật: Là kiểu sử dụng các tiêu chí và các phương tiện kỹ thuật vào việc đánh giá số lượng và chất lượng của tài nguyên du lịch nhằm xác định giá trị của tài nguyên du lịch đối với các loại hình phát triển du lịch hoặc trong quá trình lập và thực hiện các dự án quy hoạch phát triển du lịch tại các hệ thống lãnh thổ du lịch nhất định.

Kiểu đánh giá kinh tế: Là vận dụng các phương pháp và các tiêu chí nhằm xác định hiệu quả về kinh tế - xã hội hiện tại và trong tương lai của các khu vực có nguồn tài nguyên có thể khai thác bảo vệ cho phát triển du lịch. Về phương pháp đánh giá tài nguyên được tiến hành với từng loại và tổng thể các loại tài nguyên bao gồm cả số lượng, chất lượng, thực trạng khai thác và bảo vệ, phát triển, khả năng phát triển các loại hình du lịch hiện tại và trong tương lai.

Việc đánh giá tổng thể các loại tài nguyên thường bao gồm các nội dung như: độ hấp dẫn, sức chứa du khách, thời gian khai thác, độ bền vững, vị trí khả năng tiếp cận, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, sự phù hợp giữa tài nguyên du lịch với các phân hệ khác của hệ thống lãnh thổ du lịch cần quy hoạch, hiệu quả khai thác tài nguyên về kinh tế - xã hội và môi trường, khả năng phát triển các loại hình du lịch và tổ chức không gian lãnh thổ du lịch. Trong việc đánh giá tài nguyên du lịch của mỗi vùng, mỗi địa phương cần xem xét, tính toán việc kết hợp bảo vệ khai thác tổng hợp các loại tài nguyên trong từng hệ thống lãnh thổ và với các hệ thống lãnh thổ khác trong mối quan hệ biện chứng.

Cụ thể khi đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn:

Khi kiểm kê đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn cần kiểm kê đánh giá các giá trị của từng di tích, từng loại tài nguyên sau đó mới đánh giá chung.

1.3.1. Di tích lịch sử văn hóa

Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: xác định vị trí, diện tích lãnh thổ, tên gọi, di tích; khoảng cách giữa vị trí của di tích với thị trường cung cấp khách cũng như chủng loại và chất lượng đường giao thông các loại giao thông có thể hoạt động; khoảng cách tới các di tích văn hóa và tự nhiên du lịch khác.

Lịch sử hình thành và phát triển gồm: thời gian đặc điểm của thời kỳ khởi dựng và những lần trùng tu lớn.

Quy mô, kiểu cách, các giá trị kiến trúc, mỹ thuật, niên đại kiến trúc, mỹ thuật. Giá trị cổ vật (cả về số lượng và chất lượng), vật kỷ niệm và bảo vật quốc gia. Nhân vật được tôn thờ và những người có công xây dựng trùng tu.

Thực trạng tổ chức quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích. Thực trạng chất lượng môi trường ở khu vực di tích.

Giá trị được xếp hạng: quốc tế, quốc gia, địa phương, thời gian được xếp hạng

1.3.2. Lễ hội truyền thống

Tiến hành điều tra về số lượng lễ hội, thời gian diễn ra lễ hội, giá trị và quy mô, sức hấp dẫn du khách của các lễ hội, cách thức bảo tồn và khôi phục, tổ chức quản lý các lễ hội, môi trường nơi diễn ra lễ hội ở từng điểm du lịch và các địa phương.

Kiểm kê đánh giá cụ thể những lễ hội tiêu biểu: Lịch sử phát triển của lễ hội các nhân vật được tôn thờ, các sự kiện văn hóa, lịch sử gắn với lễ hội; thời gian diễn ra lễ hội; quy mô của lễ hội mang tính quốc gia hoặc địa phương; những giá trị văn hóa và phong tục, tập quán diễn ra ở phần lễ và phần hội, các trò chơi dân gian, các hoạt động văn hóa nghệ thuật được tổ chức. Giá trị với hoạt động du lịch.

Thực trạng của việc tổ chức và khai thác lễ hội phục vụ nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa, phát triển du lịch (bao gồm đánh giá cả về nội dung, hình thức, môi trường diễn ra lễ hội).

1.3.3. Làng nghề thủ công truyền thống.

Điều tra, đánh giá về số lượng và thực trạng của nghề và làng nghề thủ công, phân bố và đặc điểm chung của nghề và làng nghề truyền thống có giá trị

cho hoạt động du lịch trong cả nước và ở các địa phương nơi tiến hành quy hoạch.

Điều tra và đánh giá mỗi làng nghề gồm các bước và nội dung sau: vị trí địa lý, lịch sử phát triển, quy mô của làng nghề các yếu tố tự nhiên và kinh tế - xã hội nuôi dưỡng nghề và làng nghề truyền thống (diện tích của làng, số người, số hộ tham gia tổ chức sản xuất); nghệ thuật sản xuất; lựa chọn nguyên liệu, cơ cấu chủng loại số lượng và chất lượng; giá trị thẩm mỹ và sử dụng của các sản phẩm, môi trường làng nghề; việc tiêu thụ sản phẩm; giá cả sản phẩm, mức thu nhập và đời sống của dân cư từ việc sản xuất, tỷ trọng thu nhập từ các nghề thủ công so với giá trị thu nhập của các hoạt động kinh tế khác của làng nghề; những giá trị văn hóa gắn với nghề và làng nghề thủ công truyền thống.

Các cơ chế, chính sách cho đầu tư phát triển nghề, làng nghề, du lịch làng nghề và chính sách ưu đãi với các nghệ nhân.

Thực trạng đầu tư bảo vệ, khôi phục làng nghề, khai thác, phát huy giá trị văn hóa của làng nghề và đời sống kinh tế - xã hội và hoạt động du lịch. Khả năng đầu tư phát triển du lịch làng nghề.

1.3.4. Nghệ thuật dân gian

Các giá trị văn hóa nghệ thuật là loại tài nguyên du lịch hấp dẫn du khách, thuận lợi cho loại hình phát triển du lịch tham quan giải trí, nghiên cứu. Việc bảo tồn, khôi phục phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật góp phần làm phong phú hấp dẫn thêm cho các loại tài nguyên du lịch khác và nhiều loại hình du lịch khác như: du lịch sông nước; du lịch văn hóa các dân tộc; du lịch tham quan; du lịch lễ hội.

Việc điều tra, đánh giá các giá trị văn hóa nghệ thuật phục vụ du lịch gồm các nội dung như: lịch sử hình thành và phát triển, không gian phân bố, các bài hát, các nghệ nhân, các giá trị về lời ca, âm vực, nghệ thuật biểu diễn, không gian biểu diễn, các loại nhạc cụ được dùng để cùng biểu diễn; các loại hình nghệ thuật dân gian và nhã nhạc, thực trạng và khả năng khai thác bảo tồn du lịch.

Tiểu kết chương 1

Du lịch và tài nguyên du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tài nguyên du lịch tự nhiên thường để thỏa mãn các nhu cầu nghỉ dưỡng, thư giãn hòa mình vào thiên nhiên. Tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị nhận thức nhiều hơn, nó bồi dưỡng tâm hồn, tự giáo dục nhân cách. Bên cạnh đó nó còn làm phong phú thế giới tinh thần, tình cảm, thẩm mỹ của con người, giữa du lịch và văn hóa có mối liên hệ bền vững, tương tác lẫn nhau. Khai thác thế mạnh của tài nguyên du lịch nhân văn để phát triển du lịch và du lịch mang đậm nét độc đáo, nhân văn, được coi là nguồn tài nguyên đặc biệt hấp dẫn. Tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú và là yếu tố thúc đẩy động cơ đi du lịch của du khách.

Tuy vậy, giá trị của tài nguyên du lịch nhân văn không thể đánh giá một cách cảm tính mà cần những phương pháp khoa học khách quan. Việc tìm hiểu những lý luận về công tác đánh giá tài nguyên sẽ là cơ sở để em vận dụng đánh giá ở thực tế.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG DU LỊCH NHÂN VĂN CỦA THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

2.1 Khái quát về du lịch Hưng Yên

2.1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Hưng Yên thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc. Có diện tích 923,5 km², số dân là 1.128.700 người. Nằm giữa cửa ngõ phía đông của thủ đô Hà Nội và giáp với các tỉnh, Hải Dương, Thái Bình. Thành phố Hưng Yên là tỉnh lỵ của tỉnh Hưng Yên. Thành phố nằm ở phía Nam của tỉnh, bên bờ trái (bờ Bắc) sông Hồng. Thành phố Hưng Yên giáp với huyện Kim Động ở phía Bắc, Tiên Lữ ở phía Đông. Sông Hồng làm ranh giới tự nhiên giữa thành phố Hưng Yên với các huyện Lý Nhân và Duy Tiên của tỉnh Hà Nam ở bờ Nam sông Hồng. Quốc lộ 38 với cầu Yên Lệnh nối thành phố Hưng Yên với quốc lộ 1. Thành phố Hưng Yên cách Hà Nội hơn 60km. Có diện tích 46,80 km² và dân số: 121.486 người.

2.1.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch.

Cơ sở vật chất kỹ thuật và tài nguyên du lịch nói chung và tài nguyên du lịch nhân văn nói riêng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Sự kết hợp hài hòa giữa tài nguyên du lịch nhân văn và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch giúp cho cơ sở phục vụ du lịch có hiệu quả, kéo dài thời gian sử dụng chúng trong năm.

Hiểu được vấn đề trên, thành phố Hưng Yên rất quan tâm tới việc xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật của thành phố để phục vụ cho du lịch. Không chỉ xây dựng các tuyến đường giao thông thuận tiện từ các thị trường khách đến thành phố mà còn chú trọng đến cơ sở hạ tầng tại các điểm du lịch.

Tại các di tích lịch sử, thành phố và các Ban quản lý tại di tích phối hợp cùng vạch ra kế hoạch tu sửa di tích như: sửa chữa những hỏng hóc, xây mới các công trình vệ sinh công cộng phục vụ du khách, nhà khách để sắp lễ, lán xe của khách, ... với yêu cầu hài hòa cảnh quan xung quanh, giữ gìn môi trường.

Tại các làng nghề truyền thống, vấn đề môi trường được đặt lên hàng đầu. Thành phố yêu cầu chính quyền địa phương tại các làng nghề phải có những phương án xử lý nước thải của các làng nghề tránh gây ô nhiễm môi trường.

Chính quyền thành phố rất coi trọng việc nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ du lịch, vì thế năm 2008 tại vị trí bến phà Yên Lệnh cũ Sở thương mại và Du lịch tổ chức lễ khởi công xây dựng Bến cảng đón khách du lịch Phố Hiến trên sông Hồng. Công trình bao gồm 2 bến khách và các hạng mục khác như: bãi đỗ xe, đường xuống bến, công trình trên tuyến, hệ thống thoát nước... Ý nghĩa to lớn của việc xây dựng bến cảng đón khách trên sông Hồng là phát triển ngành du lịch của tỉnh và thành phố trong hiện tại và tương lai. Công trình bến cảng đón khách du lịch Phố Hiến trên sông Hồng sẽ phục vụ cho hoạt động thương mại và du lịch, dịch vụ phát triển góp phần vào xây dựng kinh tế - xã hội của tỉnh và thành phố.

Ngoài ra hệ thống các khách sạn cũng được thống kê, kiểm tra chất lượng thường xuyên (2 lần/năm)

Bảng 2.1.2. Thống kê số khách sạn được xếp hạng ở thành phố Hưng Yên

STT	Tên khách sạn	Hạng sao	Số phòng	Địa chỉ
1	Khách sạn Sơn Nam Plaza	2 sao	20	Đường Phạm Ngũ Lão
2	Khách sạn Thái Bình	1 sao	10	Đường Phạm Bạch Hổ - phường Lam Sơn
3	Khách sạn Á Đông 1,2	1 sao	26	Đường Triệu Quang Phục – phường Hiến Nam
4	Khách sạn Hưng Thái	2 sao	40	72 Trưng Trắc – phường Quang Trung
5	Khách sạn Ngân Giang	2 sao	26	Đường Chu Mạnh Trinh – phường Hiến Nam

Nguồn: Phòng văn hóa thông tin thành phố Hưng Yên

Nhìn vào bảng trên ta có thể thấy cơ sở vật chất phục vụ lưu trú của thành phố Hưng Yên rất ít nhưng do hiện tại các tour chủ yếu được khai thác là lễ hội và tâm linh nên lượng khách lớn song thời gian lưu trú không dài, thành phố vẫn có thể đáp ứng được về cơ bản nhu cầu của du khách khi đến với thành phố. Trong thời gian tới chính quyền thành phố sẽ nâng cao chất lượng của hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ du lịch để thoả mãn nhiều hơn nữa nhu cầu của du khách xứng đáng với địa danh Phố Hiến một thời hưng thịnh.

2.1.3. Thị trường khách du lịch

Việc xác định thị trường trọng điểm và dự báo tiềm năng phát triển đúng sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách du lịch định ra chiến lược phát triển cũng như mục tiêu, kế hoạch phân đấu của du lịch thành phố. Do đặc điểm tài nguyên du lịch chủ yếu là tài nguyên du lịch nhân văn nên nhiều năm nay thị trường khách du lịch nội địa của thành phố chủ yếu là khách du lịch tôn giáo, nghiên cứu lịch sử văn hoá của thành phố một thời đã qua. Lượng khách thường tập trung đông vào những thời điểm nhất định trong năm (thường là vào mùa lễ hội của di tích), những thời điểm khác lượng khách ít, nhỏ lẻ và không lưu trú dài tại thành phố.

Bảng 2.1.3 Thực trạng khách du lịch đến Hưng Yên thời kỳ 2012 – 2016

Năm	2012	2013	2014	2015	2016
Khách nội địa	24.520	37.902	52.355	65.002	69.700
Khách quốc tế	6.322	14.123	19.345	21.521	46.402
Tổng số khách	28.657	53.445	60.233	86.982	115.389
Tổng số ngày lưu trú	25.236	37.694	48.231	69.125	75.601

Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch tỉnh Hưng Yên

Năm 2012 Hưng Yên đón được 29.747 lượt khách, đến năm 2016 con số đó lên tới 116.000 lượt khách, tăng 86.253 lượt khách, gấp 3,899 lần so với 2012.

Trong đó thị trường khách quốc tế chủ yếu là Trung Quốc với mục đích thăm thân (những Hoa kiều ở thành phố) tuy thời gian lưu trú dài nhưng lại ít sử dụng các dịch vụ du lịch của thành phố. Khách Nhật, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan,...là những quốc gia đã có giao thương ở Phố Hiến thời kỳ hưng thịnh, giờ đi tìm lại những dấu tích xưa, lượng khách này tuy lưu trú dài, sử dụng nhiều dịch vụ du lịch nhưng khá khó tính với những yêu cầu về chất lượng phục vụ cao, thêm vào đó lượng khách thường nhỏ lẻ và ít khi quay lại.

Thị trường khách du lịch của thành phố Hưng Yên nhỏ, lẻ. Khi đã xác định rõ thị trường khách cần tập trung khai thác, tìm hiểu tâm lý khách để thỏa mãn họ, thu hút khách mới, giữ chân khách cũ bằng chất lượng dịch vụ và sự đa dạng của các loại dịch vụ bổ sung. Lượng khách du lịch tâm linh tuy ít và không thường xuyên nhưng lại ổn định và sẵn sàng chi trả vì vậy cần tập trung khai thác thị trường truyền thống này. Với khách quốc tế cần nâng cao chất lượng

phục vụ, đa dạng hóa các loại hình vui chơi giải trí, và xác định đây là thị trường khách tiềm năng của ngành du lịch thành phố Hưng Yên.

Tóm lại, thị trường khách du lịch của thành phố Hưng Yên còn nhỏ, lẻ, chưa được khai thác đúng mức và hiệu quả.

2.1.4. Đội ngũ lao động

Tốc độ phát triển ngành du lịch của thành phố Hưng Yên thời gian gần đây kéo theo nhu cầu càng ngày càng gia tăng về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực được đào tạo. Những con số về lượng khách du lịch không ngừng gia tăng trong những năm qua không chỉ là tín hiệu vui cho nền “công nghiệp không khói” này mà đằng sau đó còn là một mối lo lớn, bởi nguồn lực của ngành đang rơi vào tình trạng không chỉ thiếu mà còn rất yếu.

Bảng 2.1.4. Cơ cấu đào tạo lao động ngành du lịch của thành phố Hưng Yên

Đơn vị tính: Người

Cơ cấu đào tạo	2014	2015	2016	2017	2018
Trên đại học	50	70	95	125	150
Đại học và cao đẳng	60	80	150	200	300
Trung cấp	150	220	300	450	580
Sơ cấp	75	100	145	155	163
Lao động phổ thông	67	78	90	110	140
Tổng	402	548	780	1.040	1.333

Nguồn: Phòng văn hóa thông tin thành phố Hưng Yên

Như vậy, tính đến năm 2018 số lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên chỉ chiếm 12,96% trong tổng số hơn 1000 lao động trong ngành du lịch của thành phố. Điều này chứng tỏ nguồn lao động ngành du lịch không chỉ thiếu về số lượng mà ngay cả chất lượng đào tạo cũng là vấn đề lo ngại.

Thống kê của phòng văn hoá thông tin thành phố cho biết, hiện nay công tác quản lý nhà nước về đào tạo và bồi dưỡng nhân lực của ngành du lịch còn bất cập. tình trạng phổ biến là các doanh nghiệp thiếu lao độngg hành nghề, nhưng sau khi tuyển dụng sinh viên vừa tốt nghiệp ở các cơ sở đào tạo thì các doanh nghiệp du lịch lại phải tiếp tục “đào tạo lại”, bổ túc, bồi dưỡng...thì mới có thể đáp ứng nhu cầu thực tế.

Thêm vào đó trình độ ngoại ngữ hạn chế, kỹ năng nghiệp vụ thiếu, khiến chúng ta không khai thác hết được nguồn lợi du lịch từ khách nước ngoài. Trong

khi đó, một phần thị trường khách du lịch của thành phố là khách nước ngoài như: Trung Quốc, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha,..là những nước đã từng có giao thương với Phố Hiến thời còn hưng thịnh.

Để có được nguồn lao động có chất lượng đòi hỏi từ khâu tuyển sinh, đào tạo bồi dưỡng phải khoa học, khuyến khích sinh viên ngành du lịch thực tập nhiều để tích lũy kinh nghiệm, và phải có vốn ngoại ngữ nhất định.

Vậy bài toán đặt ra cho ngành du lịch của thành phố là nguồn lao động lành nghề. Để có được nguồn lao động có chất lượng đòi hỏi từ khâu tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng phải khoa học, khuyến khích sinh viên ngành du lịch thực tập nhiều để tích lũy kinh nghiệm, và phải có vốn ngoại ngữ nhất định.

2.2. Phân tích và đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên

2.2.1. Di tích lịch sử văn hóa

Từ thế kỷ XIII, thành phố Hưng Yên xưa đã là một thương cảng Phố Hiến sầm uất. Thế kỉ XV trở đi, những tàu buôn của Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Anh, Pháp, Indonexia... đã từng cập bến Phố Hiến. Nhưng vì sông Hồng ngày càng tiến ra biển, Phố Hiến nhường dần vị trí thương cảng cho Hải Phòng và lưu lại cho mình những giá trị văn hoá lâu đời. Thành phố Hưng Yên ngày nay còn gìn giữ được một quần thể kiến trúc cổ gồm 128 di tích lịch sử, 100 bia kí và nhiều đền chùa. Đặc biệt phải kể đến quần thể di tích Phố Hiến với mật độ di tích dày đặc, theo thống kê của bảo tàng tỉnh Hưng Yên, trong phạm vi chiều dài 5km, chiều rộng 1km được xác định từ Đàng Châu (phường Lam Sơn) đến Lễ Châu (phường Hồng Châu) thì Phố Hiến cổ còn lưu giữ khoảng 60 di tích lịch sử văn hoá các loại. trong số hơn 60 di tích đó có nhiều di tích có giá trị cao về lịch sử, kiến trúc mỹ thuật, tín ngưỡng, có khả năng hấp dẫn du khách như chùa Chuông, đền Mẫu, đền Trần, đền Thiên Hậu, chùa Hiến, Văn Miếu, đình Hiến, Đông Đô Quảng Hội,...(có tới 17 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia).

Trong khoá luận này em sẽ đi sâu nghiên cứu giá trị nổi bật của một số di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia đó.

• Chùa Chuông

“Hưng Yên tinh nhất thống chí” của Trịnh Như Tấu có ghi: “Chùa Chuông – Phố Hiến đẹp danh lam” có nghĩa: chỉ Chùa Chuông ở Phố Hiến là đẹp nhất. Chùa đẹp không phải bởi cảnh quan và tên gọi mà còn đẹp hơn bởi

Chùa Chuông nằm trong quần thể di tích đô thị cổ Phố Hiến một thời nổi danh “thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến”

Kim Chung Phật tích thiên niên ký
Thạch bích linh truyền vạn cổ lưu
(Chuông vàng dấu Phật còn ghi mãi
Đá xanh linh nghiệm toả muôn hương)

Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: chùa Chuông tọa lạc ở phía nam thôn Nhân Dục, phường Hiến Nam, thành phố Hưng yên. Ngôi chùa nằm ở cửa ngõ khu dân cư thành phố, khi đến thăm quan thành phố, điểm dừng chân đầu tiên của du khách sẽ là chùa Chuông. Chùa Chuông có tên tự là Kim Chung tự, tên Nôm là Chùa Chuông và tên thường gọi là chùa Chuông vàng.

Chùa nằm ở vị trí vô cùng thuận lợi, dù du khách đến thăm quan thành phố bằng đường bộ hay đường thủy cũng có thể dễ dàng đến thăm ngôi chùa này. Chùa cách bến cảng sông Hồng gần 1km, và cách bến xe Hưng Yên 500m.

Lịch sử hình thành và phát triển: lịch sử của chùa gắn với truyền thuyết xưa, có một năm “đại hồng thủy”, nước lụt mênh mông, có một quả chuông trên bè gỗ trôi dạt về đây, chỉ có dân làng địa phương mới vớt được chuông và đã đem về chùa. Tiếng chuông mỗi lần đánh lên ngân vang xa hàng vạn dặm, tương truyền là quả chuông vàng trời Phật ban tặng nên đã đặt tên chùa là “chùa Chuông Vàng”. Theo tài liệu nghiên cứu và theo văn bia tại chùa, chùa được xây dựng vào thế kỉ XV, đến năm 1702 chùa đã trùng tu thượng điện và đắp thượng. Như vậy, kiến trúc hiện nay của chùa là từ thời Hậu Lê đầu thế kỉ XVIII.

Quy mô, kiểu cách, các giá trị kiến trúc, mỹ thuật: Chùa chuông có kết cấu kiểu “Nội công ngoại quốc”, bao gồm các hạng mục: Tiền đường, Thượng điện, Nhà tổ, Nhà mẫu và 2 dãy hành lang. Mặt tiền chùa quay hướng Nam, đó là hướng của “Bát Nhã” và “Trí Tuệ”. Chùa được bố trí cân xứng trên một trục trải dài từ cổng Tam quan đến Nhà tổ. qua cổng Tam quan là tới ba nhịp cầu đá xanh, và một ao nhỏ (mắt rồng) trồng rất nhiều súng, mùa hè là mùa những bông súng tím biếc nở và cũng là thời điểm 2 cây nhãn bên ao nở rộ những chùm hoa như những mâm xôi trắng mang mùi hương dịu ngọt. Bắc ngang qua ao là một cây cầu được xây dựng 2012. Tiếp đến là con đường độc đạo được lát đá xanh dẫn thẳng đến nhà tiền đường, theo quan niệm nhà Phật, đường này gọi là “Nhất chính đạo”, con đường chân chính duy nhất dẫn dắt con người thoát khỏi bể khổ.

Giá trị cổ vật: Chùa hiện nay còn một số hiện vật quý như 2 đôi nghệ đá thời Lê được chạm khắc công phu; 1 khánh đá dài 1,5m chạm lưỡng long châu nguyệt; 1 bia dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711); 2 chuông (1 chuông cao 1,15m, đường kính 0,6m và 1 chuông cao 1,05m với đường kính là 0,45m); và đặc biệt là 18 pho tượng cổ “Thập bát La Hán” được tạo tác theo một tư thế ngồi cao 1,2m với những vẻ mặt khác nhau, nét độc đáo của Thập bát La Hán không phải chỉ ở sự khéo léo trong cách tạo và tô tượng mà còn ở cảm xúc nội tâm được biểu hiện qua khuôn mặt “mỗi người một vẻ mặt con người”; 1 bia đá ghi chép lại quá trình đô thị hoá của Phố Hiến xưa, bia đá cao 1.65m, rộng 1,10m được tạo tác vào năm Tân Mão niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711) triều Lê, trên bia trang trí hình rồng châu mặt trời, có vòng xoáy kiểu âm dương, diềm bia chạm nhánh lá, dây hoa, hoa sen, mây dải mảnh, bia đặt trên bệ gạch xây..và hơn thế nữa chính chùa Chuông là một di tích có giá trị cả hai mặt lịch sử và kiến trúc nghệ thuật. Những tinh hoa của di tích cần tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ hơn để bổ sung cho lịch sử của địa phương và lịch sử dân tộc, đặc biệt là thời kì cách mạng, nhiều cán bộ của xứ uỷ hiện còn sống, các đồng chí từng hoạt động tại di tích đều khẳng định vai trò quan trọng đó.

Những pho tượng nghệ thuật như: hệ thống tượng ở toà Tam Bảo, Thập bát La Hán...sẽ giúp ta rất nhiều trong việc nghiên cứu kế thừa tinh hoa nghệ thuật tạc tượng của dân tộc . hiện vật trong chùa như: tám bia đá (1711), cây hương đá...là nguồn tư liệu vô cùng phong phú quý giá giúp chúng ta hình dung về sự phát triển thịnh vượng của đô thị cổ phố hiến trong suốt 2 thế kỉ XVI – XVII đóng góp quan trọng trong các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học.

Đối tượng thờ: Chùa Chuông thờ Phật Adi Đà, Quan Âm Nam Hải, Văn Phù bồ tát, Phố Hiến Bồ Tát.

Thực trạng tổ chức quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích:Nhìn chung, ngôi chùa qua hai lần trùng tu lớn nên hệ thống khu nhà và tượng đã được phục hồi như trạng thái ban đầu. toàn bộ khu kiến trúc di tích hiện nay khác chắc chắn và hoàn chỉnh, bên cạnh gác chuông, gác khánh, nhà tản đường mới được khánh thành (8/2003). Ngôi chùa đã được một vị đại đức cùng các Phật tử xung quanh vùng tự nguyện đến quét dọn, lau chùi cho di tích. Vào những ngày rằm, mùng một, ngày Phật Đản, đều tổ chức hương hoa, thu hút rất đông thập phương đến cúng lễ.

Giá trị được xếp hạng: Năm 1992, Chùa Chuông đã được bộ Văn Hoá thông tin xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

- **Đền Mẫu**

Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: nằm trên đường Bãi Sậy, phường Quang Trung, thành phố HY. Đền có tên tự là Hoa Giang Linh Từ, tên Nôm là đền Mẫu, đền Mẫu Dương, đền Bà Hoa Giang, và tên thường gọi là đền Mẫu. Đền gần với đền Trần trên một trục đường, rất thuận lợi cho du khách đi bộ trong thành phố để thăm quan quần thể di tích thuộc Phố Hiến cổ.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, đền Mẫu được xây dựng vào năm Tường Hưng thứ nhất thời Thiệu Bảo (1279) trên một diện tích rộng 2875m².

Lịch sử hình thành và phát triển: qua sử sách, thần tích, sắc phong của đền Mẫu thì vào thế kỉ 13 đế quốc Nguyên Mông tiến hành xâm lược nhiều nước Châu Âu, Châu Á. Trước sức mạnh của quân giặc, triều đình nhà Tống không tránh khỏi thất bại. Trong lúc lâm nguy Hoàng tộc nhà Tống phải bỏ chạy ra bãi biển Nhai Sơn để tránh nạn, trên đường chạy ra bãi biển thì bị hoành phạm nhà Nguyên đuổi sát. Dương Quý Phi cùng các cung tần mỹ nữ đã nhảy xuống biển tự vẫn để giữ trọn khí tiết của mình. Theo truyền ngôn xác của Dương Quý Phi trôi dạt vào vùng Xích Đằng, nhân dân địa phương vớt chôn cất chu đáo – cầu đảo “linh ứng” và lập đền thờ. Từ đó người đến tụ tập mỗi ngày một đông thành một xóm và lấy tên là Hoa Dương. Đền được sửa sang rộng rãi và ngày một khang trang.

Quy mô, kiểu cách, các giá trị kiến trúc, mỹ thuật: Nghi môn của Đền được xây dựng khá đẹp, kiến trúc kiểu chông diêm hai tầng tám mái, cửa xây vòm cuốn, có một cửa chính và hai cửa phụ. Trên vòm cuốn có bức đại tự ghi kiểu chữ Triện: “Dương Thiên Hậu – Tống Triều” và bức chữ Hán: “Thiên Hạ mẫu nghi” (Người mẹ sáng suốt trong thiên hạ). Qua nghi môn là sân đền, giữa sân có cây cổ thụ. Theo truyền thuyết, cây có tuổi gần bảy trăm năm được kết hợp bởi ba cây sanh, đa, si quân quýt lấy nhau tạo thế chân kiềng vững chắc bao trùm toàn bộ ngôi đền. Khu nội tự của đền được xây kiểu chữ Quốc gồm: Đại bái, trung từ, hậu cung và hai dãy giải vũ. Tòa đại bái với 3 gian, kiến trúc kiểu chông diêm hai tầng tám mái; các đao mái uốn cong mềm mại kiểu rồng châu, phượng móm, lợp ngói vẩy rồng, chính diện đắp lưỡng long châu nguyệt. Kiến trúc đại bái thượng giá chiêng chông, chính diện đắp lưỡng long châu nguyệt. Kiến trúc đại bái thượng giá chiêng chông rường con nhị, hạ kẻ bảy; các con

chồng, đầu sen, trụ chôn chạm bong kênh hình cá hóa rồng, các bầy chạm hình đầu rồng. hai bên đạibái là điện Lưu Ly và cung Quảng Hàn. Trung từ gồm 3 gian, kiến trúc kiểu chồng rường đầu sen, lộng lẫy với hệ thống câu đối, hoành phi, đồ tế tự, kiệu long đình, kiệu bát cống...son son thếp vàng rực rỡ. Nối với trung từ là 5 gian hậu cung, kiến trúc kiểu chồng rường con nhị, các bức cốn chạm bong kênh hoa lá mềm mại. Dưới ánh sáng mờ ảo của đèn nến, khói hương nhẹ nhẹ lan tỏa không gian tĩnh lặng nơi cung cấm như thấy được sự linh thiêng huyền bí chôn thâm cung.

Kiến trúc các tòa đại bái, tiền tế, trung từ, thượng điện thượng giá chiêng chồng rường con nhị, hạ kẻ bầy, các con chồng, đầu, đầu dư, kẻ, bầy đều được chạm bong, chạm lộng với các đề tài long, ly, quy, phượng, hoa lá cách điệu, điêu khắc rất đa dạng với từng họa tiết kết hợp với sự hài hòa cảnh quan thiên nhiên, tạo nên sự uy nghiêm trang nhã mà lại gần gũi với cuộc sống con người.

Giá trị cổ vật: hiện tại ở đền Mẫu còn một số cổ vật quý như nhang án thờ cao 1,2m dài 1,5m rộng 0,9m, phía ngoài có bát hương đá cao 40cm, đường kính 25cm. nhang án chạm kênh bầy lưỡng long châu nguyệt, đá hoa ở giữa, hai đầu chạm con long mã trên cùng 4 góc là 4 con rồng châu. Trên có bày trí hai cây đàn gỗ, một tượng Phật bà Quan Âm trong lồng kính. Hai bên nhang án đặt hai hạc gỗ ngậm ngọc giảng thuyết pháp cho con người hiểu về đạo Phật, đưa con người về với thế giới thần linh. Một bát hương sứ cao 40cm, đường kính 22cm, hai mâm bông, một mũ cánh chuồn, sau là cỗ bài vị, hai bên đặt hai lọ lục bình cao 1,4m. Hai bộ bát bửu 2 tàn 2 tán cao 3m, hai cỗ long đình rộng 0,95m cao 2,5m, hai mặt kiểu chạm đầu hổ phù dữ tợn quanh bốn hướng, trên là hệ thống hoa lá cuốn thư, toàn thân chạm con rồng cuốn xung quanh có hệ thống lều lưỡng long châu nguyệt trên có mái vòm, 4 góc là 4 đầu rồng, tầng trên cùng đặt một lá bùa. Một tượng mẫu ngự đầu đội mũ kim khôi, mặc áo choàng có từ thế kỉ XVIII.

Một cỗ kiệu bát cống đòn ngang dài 2,15m, đòn dọc dài 2,45m chạm hình rồng quay đầu đi trước. Kiệu gồm 4 then đòn cong, tám đầu khiêng, hai thanh đòn ngang, hai thanh đòn dọc, các đòn được gắn với nhau các khóa đồng, bề rộng 1,22m toàn kiệu cao 1,5m, phần trên rộng 0,95m trên là mái vòm cuốn. Kiệu được chạm bong, chạm nổi các hình hổ phù lưỡng long châu nguyệt, đề tài hoa lá cách điệu, phía ngoài kiệu đặt một bát hương sứ một đỉnh đồng, hai con hạc đồng nhỏ, hai cây nến đồng nhỏ.

Một cỗ kiệu võng(phụng kiệu), có 8 đòn khiêng, hai đòn ngang và hai đòn dọc dài 3,7m, đòn ngang dài 1,8m. Kiệu cao 1,85m, các đòn này chạm rồng đầu mỏ phượng, bên trên có mái vòm che ở trong có một võng đào trái một bức gấm, trên đặt một cái gối ở chính trung từ giữa là bức y môn, hai bên là hai tàn hai tán cao 2m đường kính 1m.

Đối tượng thờ: Đền Mẫu thờ bà Dương Quý Phi (vợ vua Tống), Phật Bà Quan Âm, Tứ Phủ (thiên phủ (miền trời), nhạc phủ (miền rừng núi), Thủy phủ (miền sông nước), Địa phủ (miền đất)).

Thực trạng tổ chức quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích: Qua thời gian ngôi đền được tu sửa nhiều lần và xây dựng thêm hoàn chỉnh như ngày nay gồm 30 gian là vào năm Thành Thái thứ 8 (1896). Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 chính quyền địa phương không quan tâm đến di tích nên di tích đã bị dột nát, các hạng mục công trình bị xuống cấp. Từ năm 1997 tái lập tỉnh Hưng Yên, di tích được đầu tư, nằm trong dự án di tích Phố Hiến nên các tòa từ hậu cung đến đại bái đều được phục hồi, sửa chữa hoàn mỹ, phục vụ quý khách tham quan thăm viếng.

Giá trị được xếp hạng: từ năm 1990 di tích được xếp hạng cấp quốc gia.

• **Đền Trần**

Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: đền nằm ở trung tâm thành phố Hưng Yên, cạnh hồ Bán Nguyệt, giữa phố Bãi Sậy, phường Quang Trung. Đền Trần nằm ở trung tâm nên đường đi đến rất thuận tiện, dễ dàng bằng mọi phương tiện oto, xe máy, đi bộ. Đền được xây dựng trên khu đất có diện tích là 469,2m², mặt tiền quay hướng tây nam, nhìn ra đường phố Bãi Sậy và bên kia là hồ Bán Nguyệt.

Lịch sử hình thành và phát triển: Theo bia kí viết ngày 12 tháng 7 mùa thu năm Kỷ Ty (1869) do cử nhân khoa Tân Dậu (1861) và Hà Tránh Nghiêm, chuyên ngục trại Bái Soan thì đền Trần được xây dựng năm Tự Đức thứ 16 (1863) đến mùa Hạ năm Tự Đức thứ 22 (1869) thì hoàn thành, do hội Yên Hòa, gồm các quan văn, quan võ trong tỉnh, các quan lại hòa lý địa phương và nhiều nhà buôn giàu có đứng ra hưng công xây dựng. đến năm Thành Thái thứ 5 (1903) thì tu sửa lớn. Năm 1998 tu sửa lớn cả 3 cung: tiền tế, trung từ và hậu cung, lát nền, thay cánh cửa và bổ sung thêm nhiều đồ tế tự.

Quy mô, kiểu cách, các giá trị kiến trúc, mỹ thuật: Đền có kiến trúc kiểu chữ Tam gồm: Tiền tế, trung từ và hậu cung. Từ ngoài vào là cổng nghi môn

xây kiểu chồng diêm hai tầng tám mái, cửa vòm cuốn, trên cổ diêm ghi 4 chữ : “Kiếm Khí Đầu Quang” (tinh thần yêu nước tỏa sáng); phía dưới cửa cuốn đề : “Trần Đại Vương từ” (Đền Trần Đại Vương).

Tòa đại bái gồm 5 gian, kết cấu kiến trúc kiểu vì chồng rường giá chiêng, các con rường được chạm hình đầu rồng cách điệu, gian giữa treo bức đại tự “Thân hiền tại vọng” (Ngưỡng vọng người hiền tài). Nối tiếp đại bái là 5 gian trung từ, kiến trúc vì kèo quá giang đơn giản, bào trơn đóng bén, không có hoa văn. Phía tiếp giáp với hậu cung treo bức đại tự: “Công đức như Thiên” (Công đức của thánh rộng lớn như trời). Giáp với trung từ là ba gian hậu cung, thờ Trần Hưng Đạo và toàn bộ gia thất của ông.

Đền Trần – thành phố Hưng Yên đã tu sửa vào thời Nguyễn, nhưng cũng cho ta thấy nhiều nét độc đáo: Ngõi đền cao, cột nhỏ thanh thoát, các phần mái hiên, đại bái, trung từ, hậu cung được nối liền với nhau có các hệ thống thoát nước, mái tôn đổ nước sang hai bên. Đặc biệt phần hiên cũng được xây dựng thành 2 mái, vừa là hiên đồng thời còn thay vị trí giải vũ, rất thích hợp với vị trí chật hẹp ở thành phố. Đây là nét độc đáo trong nghệ thuật kiến trúc độc đáo của ông cha cần được nghiên cứu và kế thừa.

Giá trị cổ vật : hiện tại, đều còn khá nhiều cổ vật quý, một cỗ long đình cao 2,5m , rộng 0,85m sơn son thếp vàng, chạm hổ phù, bắt chỉ soi hoa văn chữ chiện, hai đầu hai con long mã châu vào, 4 góc 4 con rồng châu, trên cùng chạy 4 mặt chấn song con tiện, 4 góc đao guột cong hình rồng. Một nhang án cao 1,1m dài 1,4m rộng 0,8m chạm long mã châu hổ phù, trên có hai con phượng châu vào, 4 góc là 4 con thao thiết, là con vật thần linh từ con hổ phù mà ra. Trên hương án đặt một bát hương đồng cao 50cm đường kính 35cm chạm lưỡng long châu nguyệt, vân mây, hai bên là hai lọ lục bình cao 50cm. Hai bên nhang án đặt hai hạc đồng cao 1,5m mỏ cò, đuôi cò, thân chim, thân cao ngự trên lưng rùa, hạc ngậm ngọc giảng thuyết pháp, cạnh đôi hạc còn có hai con cá chép vàng bằng gốm sứ trên mình có ghi 4 chữ Hán nổi “Tài nguyên cuộn cuộn”.

Trong điện thờ tượng Trần Hưng Đạo là một nhang án dài 1,8m cao 1,1m rộng 0.9m sơn son thếp vàng, chạm lưỡng long châu nguyệt, long mã châu phượng hóa long, xung quanh trang trí hoa lá. Trên có đặt một bát hương đồng cao 60cm, đường kính 38cm, hai cây nến gỗ, một bát hương sứ (thời Nguyễn), một bát hương sứ miệng loe (thời Nguyễn), một đỉnh đồng và hai pho tượng quan văn, quan võ cao 0,75m, tượng đứng chân phải bước lên chéch 30 độ mắt

nhìn phía trước, tay cầm thanh long đao với tư thế tiên phong nơi trận mạc, hai bên nhang án đặt hai lọ lục bình cao 1,4m với hoa văn đề tài sông núi.

Tiếp giáp giữa hậu cung và trung từ được đặt một sập chân quỳ dạ cá sơn son thếp vàng dài 1,8m rộng 1,05m cao 0,85m, 4 mặt sập thờ đầu chạm bong lưỡng long châu hổ phù, 4 chân quỳ chạm hình đầu rồng, mỏ điều hâu xung quanh chạm hoa lá cách điệu, 4 góc là 4 con thao thiết. trên sập thờ đặt một bát hương miệng loe cao 15cm đường kính 25cm, hai lọ lục bình lục lãng, một mâm bông gỗ và hai lọ hoa sứ. Bên ạnh sập là hai lọ lục bình to gồm sứ Trung Quốc cao 1,55m. Mỗi bàn thờ đều có bài trí một bát hương vai, một đỉnh đồng, hai cây nến gỗ, hai lọ lục bình, một mâm bông gỗ (riêng ban thờ vương phụ, mẫu phụ còn có ba nậm rượu gồm sứ thời Nguyễn cao 25cm, đường kính 10cm).

Đối tượng thờ: đền thờ Trần Hưng Đạo và toàn bộ gia thất của công.

Thực trạng tổ chức quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích: Theo nhân dân địa phương cho biết, thì diện tích ngôi đền rộng lớn hơn diện tích hiện tại rất nhiều, nhưng do trước đây không có ban quản lý di tích, chính quyền địa phương không đứng ra quản lý, nên đã để cho một số hộ dân tự động lấn chiếm hai bên phải đền và đã xây dựng công trình nhà ở, bếp thậm chí còn làm nhà hàng ăn sáng, không có lối ra phía sau. Phần mái không có lối thoát nước, ảnh hưởng đến việc bảo tồn di tích cũng như hoạt động tín ngưỡng của nhân dân và khách thập phương. Năm 1993 đã xây một bức tường rào chạy thẳng từ đại bái ra đến nghe môn để tách rời hộ dân ra khỏi di tích. Song di tích vẫn không có lối thoát nước và đi lại về phía sau, nên càng ảnh hưởng đến việc bảo vệ di tích cũng như sinh hoạt lễ bái của nhân dân và khách thập phương. Phần nội thất của ngôi đền khá tốt, cột kèo còn khá chắc chắn, đồ tế tự nhiều

Giá trị được xếp hạng: từ năm 1992 di tích được xếp hạng cấp Quốc Gia.

***Đền Thiên Hậu**

Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: Đền nằm ở phố Trung Trắc, phường Quang Trung, trung tâm thành phố Hưng Yên. Đền Thiên Hậu – tên đặt nhằm ca ngợi Thánh Mẫu. Đền nằm ở vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách bến xe thành phố 1km, có thể đi đến bằng mọi phương tiện giao thông. Đền Thiên Hậu được xây dựng trên khu đất có diện tích 1250m², do người Phúc Kiến xây dựng theo kiến trúc Phúc Kiến.

Lịch sử hình thành và phát triển: Người dân Phúc Kiến đi đến đâu lập đền thờ Thiên Hậu ở đó vì bà là người có lòng nhân từ cứu giúp nhân dân tai qua

nạn khỏi, diệt trừ quý ác gian tà, bảo vệ cuộc sống yên vui cho dân lành. Khi người Phúc Kiến di dân đến Phố Hiến thế kỉ XVI – XVII đã lập đền thờ ở Đông Đô Quảng Hội, và Thiên Hậu phố Bắc Hòa (nay là phố Trung Trắc, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên). Cho đến nay không chỉ những người dân Hoa kiều ở thành phố Hưng Yên mà ngay cả những người dân bản địa đã coi đền Thiên Hậu là chốn linh thiêng thường lưu tới dâng hương, văn cảnh.

Quy mô, kiểu cách, các giá trị kiến trúc, mỹ thuật: Khu nội tự xây kiểu chữ đinh gồm nhà thiêu hương và hậu cung. Nhà thiêu hương dựng chồng diêm 2 tầng 8 mái, mái lợp ngói ống, đường bờ nóc trang trí đức Phật ngồi trên tòa sen, xung quanh người qua lại. Ngoài ra, ở đây còn trang trí các loại hoa dây, bát mã quần phi, cảnh bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Hậu cung gồm 3 gian, kiến trúc kiểu “chồng rường cánh”, trên các đầu dư chạm hình cá chép. Gian hậu cung ngoài thờ Lâm Túc Mặc còn thờ cha mẹ, anh em ruột của Bà và các dòng họ người Hoa đã có công dựng đền.

Giá trị cổ vật: Đền Thiên Hậu hiện còn lưu giữ được nhiều cổ vật giá trị: cỗ kiệu “thượng thiên thánh mẫu” có phù điêu chạm trổ, các vị tiên nữ trên trời xuống đón Bà về trời, phương đình, long kỷ, giá nhạc, các đồ thờ tự, các pho tượng, khám thờ, nhang án...được chạm trổ công phu rất đẹp. Đền có hai tấm phù điêu đá dài 0,95m, rộng 0,5m; một lư hương đá cao 1,6m, đường kính 1,3m; một phương đình bằng gỗ có kích thước 4,5m x 3m...Ngoài ra còn có các bức đại tự lớn sơn son thếp vàng, nhiều bia đá, cuốn thư, các câu đối gỗ đều được gia công cầu kỳ.

Đối tượng thờ: đền Thiên Hậu thờ Thánh Mẫu (tức Lâm túc Mặc), và Tứ Phủ (Thiên phủ (miền trời), Nhạc phủ (miền rừng núi), Thủy phủ(miền sông nước), Địa phủ(miền đất)).

Thực trạng tổ chức quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích: thời gian và mưa nắng đã làm cho di tích xuống cấp phần nào, nhà tiền sảnh và tòa thiêu hương, một số gỗ bị mối mọt, ngói bị nứt vỡ. Hiện chính quyền địa phương đã phối hợp với ban quản lý di tích để trùng tu, sửa chữa những chỗ hư hỏng của di tích.

Giá trị được xếp hạng: Ngày 2 tháng 12 năm 1992, Bộ Văn Hóa thông tin đã xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc Gia.

Đền Thiên Hậu là nguồn tư liệu quan trọng giúp cho các nhà nghiên cứu và khách tham quan tìm hiểu thêm về Phố Hiến xưa.

***Đông Đô Quảng Hội**

Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: Đông Đô Quảng Hội nằm trên đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên. Toàn bộ Đông Đô Quảng Hội được xây dựng với tổng diện tích là 517,6m². Từ ngã ba chùa Chuông đi dọc đường Bãi Sậy khoảng 1,5 km đến Dốc Đá sau đó rẽ trái khoảng 250m là đến Đông Đô Quảng Hội. Di tích nằm trong quần thể di tích Phố Hiến của thành phố Hưng Yên. Về phía đông bắc cách 200m là đình chùa Hiến, đi tiếp theo đường Bãi Sậy 1km là đền Mẫu, tiếp đến là đền Trần.

Lịch sử hình thành và phát triển: Đông Đô Quảng Hội được xây dựng năm 1590, có kiến trúc kiểu chữ Tam. Toàn bộ nguyên vật liệu để xây dựng và đồ tế khí được vận chuyển từ 3 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Phúc Kiến (Trung Quốc) sang bằng đường biển, được 14 dòng họ ở Trung Hoa cùng người dân Phố Hiến dựng lên. Năm 1975, tòa nhà này đã được các dòng họ Hoàng, Tiết, Ôn và nhân dân địa phương đã tiến hành phục dựng lại (do trước đó đã bị đổ nát) theo phong cách kiến trúc cổ Trung Quốc.

Quy mô, kiểu cách, các giá trị kiến trúc, mỹ thuật: Đông Đô Quảng Hội kiến trúc kiểu chữ Tam, gồm các hạng mục như: Tiền tế, trung từ và hậu cung. Toàn bộ nguyên vật liệu để xây dựng và đồ tế khí được vận chuyển từ 3 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Phúc Kiến (Trung Quốc) sang bằng đường biển, được 14 dòng họ ở Trung Hoa cùng người dân Phố Hiến dựng lên. Công trình đầu tiên là Nghi môn, được lợp bằng ngói vẩy cá, kiến trúc vì kèo kiểu giá chiêng, kê trên các đầu kê hình đài lá và hình vành khuyên. Cánh cửa nghi môn chắc chắn, phía trên có bức đại tự ghi “Đông Đô Quảng Hội”. Khu chính tiền tế, trung từ mới được phục dựng lại trên nền móng của công trình cũ, kết cấu kiến trúc các bộ vì của 2 tòa này làm kiểu chông rường giá chiêng, hoa văn chạm trổ theo phong cách Trung Hoa cổ. Hậu cung gồm 3 gian, kết cấu các bộ vì kèo kiểu chông rường, giá chiêng, con nhị nâng đỡ vì kèo là hệ thống cột cái được kê trên các chân tảng đá thất cổ bông. Hệ thống cửa hậu cung làm kiểu bức bàn con quay, ván bung được chạm trổ tùng, điều, hươu, nai...đổ cửa chạm nổi phượng vũ, mã phi, bên trên chạm lộng phúc, lộc, chim, thú...thể hiện ước vọng cầu lộc, cầu phúc của nhân dân. Khu chính nội tự có kiến trúc kiểu chữ Nhị (=), gồm đại bái và hậu cung. Tòa đại bái với 3 gian, vì kèo kết cấu kiểu chông rường, giá chiêng, con nhị, hệ thống cột được kê trên các chân tảng bằng đá lớn, 2 bộ vì hồi được đặt trên lưng con lân gỗ trong tư thế nhìn ra ngoài.

Giá trị cổ vật: Hội quán có 2 hương án, một bằng đá cao 1,45m, rộng 1,6m và một bằng gỗ cao 1,41m, rộng 1,76m. Một khám thờ được sơn son thếp vàng đặt 3 pho tượng Tam thánh ngoài lồng kính, xung quanh khám được trang trí hoa lá hướng dương, cửa khám thể hiện đề tài long mã. Giant rung tâm có một khám thờ cao 2m, rộng 2,4m, được sơn son thếp vàng, bên trong đặt 3 pho tượng (1 tượng Thánh Mẫu, và 2 tượng người hầu), Mẫu ngự trên ngai, tay vịn đầu rồng, vẽ mặt phúc hậu, đoan trang. Ngoài ra còn có: 7 bức đại tự sơn son thếp vàng; 1 giá võng sơn son thếp vàng; 3 hương án; 2 bát hương loe sứ Trung Quốc rộng 25 cm, cao 30 cm; 1 bát hương sứ quả lựu 3 chân thời Càn Long; 1 nậm rượu thời Lê; 4 bát hương sứ thời Nguyễn; 1 đỉnh thiếc; 1 lu hương thiếc cao 60 cm; 4 bia đá;...

Đối tượng thờ: Đông Đô Quảng Hội là nơi hội họp của các thương nhân nước ngoài, chủ yếu là người Hoa, đồng thời đó cũng là nơi thờ tam thánh: Thần Thái Y (thần làm nghề thuốc); Thần Hoa Quang (dạy dân làm các nghề thủ công); Thần Nông (dạy dân làm ruộng, trồng trọt, chăn nuôi).

Thực trạng tổ chức quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích: Hiện nay trải qua bao thời gian dài nên di tích không tránh khỏi hư hại, 6 gian hội quán dùng làm nơi tụ họp nay không còn nữa. Sân vườn đang được quy hoạch và trùng tu trong thời gian tới.

Giá trị được xếp hạng: Từ năm 2001 di tích được xếp hạng cấp Quốc Gia.

Sự phát triển của Đông Đô Quảng Hội liên quan đến sự hình thành và phát triển của Phố Hiến. Khảo sát tại di tích em thấy được những giá trị lịch sử về một vùng đất đã một thời phát triển rục rờ và hiểu được đời sống kinh tế văn hóa và tín ngưỡng của nhân dân thời kỳ đó. Ngoài ra ta còn thấy được sự giao lưu kinh tế, văn hóa của Phố Hiến với nhiều Quốc gia như: Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hà Lan...

- ***Văn Miếu***

Vị trí, tên gọi, diện tích, cảnh quan: Văn Miếu ở thôn Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên. Văn Miếu xưa được gọi là “Văn Miếu Trấn Đằng Châu” nay gọi là “Văn Miếu Xích Đằng”. Các công trình Văn Miếu trải rộng trên một diện tích hơn 6000m². Từ bến xe Hưng Yên đi xuôi xuống đường chùa Chuông khoảng 400m là đến đường Phạm Bạch Hổ, đi tiếp khoảng 300m rẽ trái đến Văn Miếu Xích Đằng. Một khung tường xây bằng những viên gạch cỡ lớn dưới cảnh lá xum xuê của những cây cổ thụ cùng với những chậu cây

cảnh tạo nên một cảnh sắc uy nghi, cổ kính cho khu di tích. Đặc biệt ở tầng hai Nghi môn có xây sân và hành lang để làm nơi hóng mát và vịnh thơ

Lịch sử hình thành và phát triển: Thế kỷ 17, để chấn hưng lại nền Nho học, triều đình đã cho thành lập nhiều trường học bên ngoài trường Quốc Tử Giám. Ở trấn Sơn Nam (gồm các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình và một phần đất của Hà Nội và Hưng Yên) văn miếu Sơn Nam (văn miếu Xích Đằng khi đó) được xây dựng vừa làm nơi để thờ tự các bậc hiền nho, vừa là nơi tổ chức các kỳ thi của trấn. Sử sách còn ghi: Văn miếu Xích Đằng đã có lần là trường thi của khoa thi Hương, hoặc là nơi sát hạch học trò để đi thi Hương. Nhà bác học Lê Quý Đôn, đã dự kỳ thi hương ở Hưng Yên hồi ấy”. Sau nhiều biến chuyển trong việc chia tách lại địa lý và đơn vị hành chính các trấn dưới các triều: Hậu Lê, Tây Sơn, nhà Nguyễn, văn miếu Xích Đằng trở thành văn miếu của Trấn Sơn Nam và sau này là của tỉnh Hưng Yên.

Đến nay, được sự quan tâm của tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân và các ngành trong tỉnh kể từ khi tái lập tỉnh (1997), di tích Văn Miếu đã qua hai lần trùng tu lớn. Lần trùng tu gần đây nhất (2002) toàn bộ khu di tích đã cơ bản hoàn chỉnh, các hàng cột kèo được sơn son thếp vàng hoành tráng, lồng lẩy, tượng Khổng Tử và Chu Văn An bằng đồng mới được dâng hiến (2003) với kích cỡ khá lớn (tượng Khổng Tử cao: 1,1m nặng 1,1 tấn; tượng Chu Văn An cao 1,8m nặng 2,5 tấn). Cùng với đó là hệ thống tường rào được xây bao kín xung quanh và hàng cây cảnh được bố trí khắp khuôn viên đã nâng giá trị đặc biệt của di tích trong quần thể di tích Phố Hiến.

Nét nổi bật của Văn Miếu là nơi dạy học và là địa điểm thi cử để chọn người tài ra làm quan phục vụ cho chế độ nhà nước phong kiến đương thời. Qua bao tháng năm lịch sử dưới thời phong kiến tại Văn Miếu đã mở bao khoa thi, vì địa điểm này các bậc sỹ tử ở các phủ, huyện trong tỉnh có dịp hội tụ về để học và thi tuyển. Qua các đợt thi cử đó Văn Miếu đã ghi nhận biết bao các vị danh nhân đỗ đạt khoa tiến sỹ. Tên tuổi các danh nhân đó đã được khắc ghi trên bia đá còn lưu lại tới ngày nay. Văn Miếu được xây dựng đánh dấu một bước phát triển cao của nền giáo dục phong kiến ở Hưng Yên. Sau này cũng tại nơi đây đã diễn ra các sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ.

Quy mô, kiểu cách, các giá trị kiến trúc, mỹ thuật: Văn Miếu có kết cấu kiến trúc kiểu chữ Tam, bao gồm: Tiền tế, Trung từ và hậu cung. Hệ thống mái của các tòa được làm liên hoàn kiểu “trùng thiềm điệp ốc”. Mặt tiền Văn miếu

quay hướng Nam, cổng Nghi môn được xây dựng đồ sộ, bề thế, mang dáng dấp cổng Văn miếu Hà Nội. Phía trong cổng có sân rộng, ở giữa sân là đường thập đạo, hai bên sân có lầu chuông và lầu khánh cùng 2 dãy tả vu, hữu vu. Khu nội tự gồm: Tiền tế, Trung từ và Hậu cung, kiến trúc giống nhau, được làm theo kiểu vì kèo trụ trốn. Toàn bộ khu nội tự Văn miếu tỏa sáng bởi hệ thống đại tự, câu đối, cửa võng và hệ thống kèo cột đều được sơn thếp phủ hoàn kim rất đẹp.

Giá trị cổ vật: “Văn Miếu kim chung” (chuông vàng Văn Miếu) được đúc năm Gia Long thứ 3 (1804) thân cao 1,5m, đường kính 90 cm; “Ngọc khánh Văn Miếu” (khánh đá Văn Miếu) dài 1,9m, cao 0,95m, dày 0,15m; ở cổng Tam quan còn có hai con sấu đá. Và cổ vật quý bậc nhất ở đây là 9 tấm bia đá có kích cỡ khác nhau, đây là tư liệu văn tự gốc quý giá. Toàn bộ trán và diềm bia được chạm khắc hoa văn phong phú với các chủ đề rồng, kỳ lân, lưỡng long châu nguyệt tinh xảo, uyển chuyển, tỉ mỉ đến từng chi tiết. 8 tấm bia được dựng vào năm 1888 và tấm bia cuối cùng được dựng năm 1943, ghi danh tên tuổi, quê quán, chức vụ 161 vị đỗ đại khoa trong tổng số 228 vị đỗ đại khoa của tỉnh nhà. Bia lớn có kích thước 1,35m x 0,86m, bia nhỏ có kích thước 1,15m x 0,78m.

Ngoài ra còn phải kể đến hai pho tượng đồng cỡ lớn. Tượng thầy Chu Văn An ngồi trên ghế thờ được đặt ở tòa trung từ, có mắt nhìn xa xa, phục trang bình dị, áo ít nếp, ảnh hưởng của phong cách thời Trần. Tượng đức Khổng Tử ở gian hậu cung, với tư thế ngồi và cách để tay biểu hiện của lưỡng nghi, tứ tượng theo tính chất dịch học của Nho giáo. Bàn tay phải úp xuống nắm lấy bàn tay trái ngửa ra hiện thân như một vị thần cầu no đủ, hạnh phúc.

Đối tượng thờ: Văn Miếu được xây lên để thờ Khổng Tử và các bậc hiền triết nho giáo. Cùng thờ với Khổng Tử là Chu Văn An.

Thự trạng tổ chức quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích: Văn Miếu cũng là nơi đặt trụ sở của Ban quản lý di tích tỉnh Hưng Yên nên rất được chú trọng bảo vệ. Các hiện vật trong di tích được giữ gìn và bảo quản tốt, hàng ngày đều có người kiểm tra, lau dọn.

Giá trị được xếp hạng: Năm 1992, Văn Miếu Hưng Yên được Bộ Văn hóa – thông tin xếp hạng là di tích lịch sử cấp Quốc gia.

Từ điển Địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam của Nguyễn Như Ý và Nguyễn Thành Chương ghi rõ: văn miếu Xích Đằng là một trong 6 văn miếu còn tồn tại cho đến ngày nay của đất nước, là một trong ba văn miếu lâu đời

nhất (đứng sau văn miếu Quốc Tử Giám – Hà Nội và văn miếu Mao Điền – Hải Dương) còn tồn tại.

Tự nhiên và kinh tế - xã hội là những yếu tố để phát triển và nuôi dưỡng những giá trị văn hóa. Do vậy, phần lớn các di tích lịch sử văn hóa có giá trị ở thành phố Hưng Yên đều được tạo dựng và trùng tu lớn vào thời kỳ Phố Hiến thịnh vượng (thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII). Các di tích này lại phân bố tập trung thuận lợi cho việc tổ chức các loại hình du lịch văn hóa.

Các di tích lịch sử văn hóa trên đều nằm trong quần thể di tích Phố Hiến xưa đã đang và sẽ được trùng tu, bảo quản, khai thác tốt để phục vụ phát triển du lịch của thành phố trong hiện tại và tương lai góp phần vào xây dựng kinh tế - xã hội của thành phố Hưng Yên, xứng đáng với địa danh Phố Hiến một thời hưng thịnh.

2.2.2 Lễ hội truyền thống

Thành phố Hưng Yên có nhiều lễ hội phản ánh khá rõ nét con người, truyền thống, phong tục mà thông qua đó để tạ ơn trời đất, thần nước và cầu mong có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc, tạ ơn những người có công đức, tưởng nhớ tới các vị anh hùng.

Hiện nay, thành phố Hưng Yên có 65 lễ hội truyền thống, các lễ hội này được tổ chức trong khoảng thời gian từ rằm tháng giêng đến hết tháng năm âm lịch. Mỗi lễ hội đều có bản sắc riêng gắn với tôn giáo, tín ngưỡng của cư dân bản địa. có một số lễ hội được tổ chức hai hoặc lần trong năm, lần một là đầu năm, lần hai, lần ba trong khoảng tháng bảy đến tháng chín âm lịch.

Tuy quy mô các lễ hội của thành phố Hưng Yên không lớn nhưng đã thu hút được lượng du khách đáng kể hàng năm về dâng hương, đặc biệt ngoài người dân địa phương thì có rất nhiều du khách thập phương (chiếm khoảng 47% - theo thống kê của phòng Văn hóa thông tin thành phố Hưng Yên).

***Lễ hội Đền Tân La**

Lịch sử phát triển của lễ hội và của các nhân vật được tôn thờ: Bát Nàn tướng quân tên thật là Vũ Thị Thục, con ông Vũ Công Chất, hào trưởng trang Phượng Lâu. Nghe tiếng Thục nương xinh đẹp, giỏi võ nghệ, Thái thú Giao Chỉ lúc đó là Tô Định đã ép ông Vũ Công Chất gả Thục Nương cho hắn. Ông Chất và Thục Nương không đồng ý vì đã nhận trầu cau của người khác, Tô Định liền tìm cách hại gia đình và tìm cách bắt Thục Nương. Bà đã bỏ trốn sang vùng Tân La chiêu mộ binh mã chống lại. Khi cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra, Thục

Nương đã xin gia nhập nghĩa quân của Hai Bà và được phong là Bát Nàn tướng quân. Khi Hai Bà Trưng tự vẫn, Thục Nương rút về vùng Tân La. Tại đây bà đã chiến đấu ngoan cường và hi sinh anh dũng vào năm 43. Để tưởng nhớ công ơn của Bát Nàn tướng quân, nhân dân vùng Tân La đã lập đền thờ bà tại đây.

Thời gian diễn ra lễ hội: Xưa kia, lễ hội đền Tân La thường kéo dài từ đầu tháng đến cuối tháng 3 âm lịch. Xưa kia, lễ hội đền Tân La thường kéo dài từ đầu tháng đến cuối tháng 3 âm lịch. Ngày nay, lễ hội được tổ chức đơn giản hơn, thời gian hội diễn ra ngắn hơn, lễ hội được tổ chức vào các ngày 15, 16, 17 tháng 3 âm lịch, nhưng vẫn bảo đảm nội dung và quy trình của lễ hội cổ truyền.

Quy mô của lễ hội: lễ hội mang tính chất địa phương, thu hút rất đông khách dâng hương nhưng chủ yếu vẫn là người dân thành phố Hưng Yên, người dân các vùng lân cận và một số người dân địa phương xa quê

Những giá trị văn hóa và phong tục, tập quán: Nằm trong quần thể di tích Phố Hiến, đền Tân La có một vị trí địa lý quan trọng, là di tích cửa ngõ dẫn vào các điểm di tích trong long Phố Hiến. Lễ hội không chỉ có giá trị về mặt văn hóa và phong tục tập quán với người dân địa phương, mà còn là nơi lưu giữ những giá trị lịch sử to lớn về thời đại Hai Bà Trưng, tuy thời đại đó ngắn ngủi nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn với đất nước ta, nó đã chấm dứt thời kỳ ngàn năm Bắc thuộc của nước ta, cổ vũ phong trào yêu nước của dân tộc ta cho đến muôn đời sau.

Trong lễ hội có tổ chức rước nước từ sông Hồng về đền, ngoài ra còn có các trò chơi dân gian như: cờ tướng, kéo co, chọi gà, biểu diễn văn nghệ... thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Cụ thể :

Ngày 1: Tổ chức hát sân đình, hát quan họ, đón du khách thập phương về dâng hương. Đọc tiểu sử của nữ tướng Vũ Thị Thục và dâng hương. Sau lễ là tổ chức các trò chơi dân gian.

Ngày 2: Tiếp đón du khách đến lễ, tổ chức múa sinh tiền, cờ kiếm, chơi cờ tướng và một số trò chơi dân gian khác.

Ngày 3: Kết thúc lễ hội.

Giá trị với hoạt động du lịch: Hàng năm, lễ hội thu hút hơn 4.200 lượt khách thập phương, đem lại nguồn thu trên 500 triệu cho ngành du lịch của thành phố Lễ hội cũng góp phần giới thiệu, quảng bá hình ảnh Hưng Yên với du khách thập phương, là một kênh quảng cáo rất hiệu quả của du lịch thành phố Hưng Yên

Thực trạng của việc tổ chức và khai thác lễ hội: lễ hội là một hoạt động văn hóa thu hút được một lượng người lớn tham gia tập trung trong thời gian ngắn tại khoảng không gian hẹp nên việc quản lý để không xảy ra những hiện tượng tiêu cực là hết sức khó khăn. Và để quản lý tốt an ninh trong mùa lễ hội để hành nghề mê tín dị đoan; tăng cường thanh tra, kiểm tra giám sát các hoạt động tổ chức lễ hội; tại nơi thờ tự, phải có hướng dẫn cụ thể việc đặt hòm công đức, không để xảy ra tình trạng đặt tiền giọt dầu, dặt tiền vào tay tượng phật gây phản cảm, thiếu mỹ quan.

**Lễ hội Đền Mây*

Lịch sử phát triển của lễ hội và của các nhân vật được tôn thờ: đền mây thờ tướng quân Phạm Bạch Hổ - một vị tướng tài ba ở thế kỉ X dưới thời Ngô Quyền. Ông đã cùng Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.

Theo “ Đại Nam nhất thống chí”, Phạm Bạch Hổ sinh ngày 10 tháng Giêng năm Canh Ngọ (910), thân phụ là Phạm Lệnh Công người lộ Nam Sách Giang (nay là Kim Thành – Hải Dương). Lệnh Công có tiệm buôn lớn ở Đằng Châu – Kim Động – Hưng Yên (nay là Xích Đằng – Lam Sơn – Hưng Yên). Tương truyền mẹ ông nằm mộng thấy Sơn Tinh và Hồ trăn mà có mang nên đã đặt tên ông là Bạch Hổ. Lớn lên Bạch Hổ có thân hình vạm vỡ, mạnh mẽ như hổ, thông minh hơn người, văn võ song toàn. Phạm Bạch Hổ từng làm hào trưởng đất Đằng Châu, là tướng tài của Dương Đình Nghệ. Năm Tân Mão 931, ông giúp chủ tướng đánh đuổi Lý Tiến, thứ sử Giao Châu; đánh bại Trần Báo do Đường Minh Tông cử sang cứu viện, rồi xưng tiết độ sứ. Khi Kiều Công Tiễn, một nha tướng của Dương Đình Nghệ giết chết chủ tướng, đoạt chức rồi cầu cứu quân Nam Hán xâm lược nước ta. Phạm Bạch Hổ đã phối hợp với Ngô Quyền đem quân tiêu diệt Kiều Công Tiễn và đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm Mậu Tuất (938). Khi Ngô Quyền mất, Dương Tam Kha cướp ngôi vua, Phạm Bạch Hổ cùng Đỗ Cảnh Thạc lật đổ Dương Tam Kha đưa Ngô Xương Văn, con của Ngô Quyền lên ngôi, thời kỳ này được gọi là Hậu Ngô Vương. Năm 965, Hậu Ngô Vương mất, các hào kiệt trong nước nổi lên cát cứ từng vùng. Phạm Bạch Hổ chiếm giữ Đằng Châu và là một trong mười hai sứ quân thời đó. Năm 968 Vạn Thắng Vương – Đinh Bộ Lĩnh được sứ quân Trần Lãm giao toàn bộ binh quyền, đã dẹp “Loạn 12 sứ quân”. Phạm Bạch Hổ đem quân quy thuận được phong là thân vệ Đại tướng quân. Ngày 16 tháng 11 năm Nhâm Thân (972), Phạm Bạch Hổ mất tại quê nhà, thọ 62 tuổi. Vua Lê Hoàn đã

sắc cho nhân dân lập đền thờ, các triều đại phong kiến đều phong tặng ông là: “Khai thiên hộ quốc tối linh thần”.

Thời gian diễn ra lễ hội: Hàng năm, lễ hội đền Mây được tổ chức hai lần, ngày 10/1 là kỷ niệm ngày sinh và 16/11 là ngày mất của Phạm Bạch Hồ.

Quy mô của lễ hội: Lễ hội mang tính chất địa phương, phục vụ cho nhu cầu tín ngưỡng của người dân địa phương. Ngoài việc phục vụ tín ngưỡng của người dân địa phương, hàng năm lễ hội còn đón rất nhiều du khách thập phương tới tham quan và dâng hương.

Những giá trị văn hóa và phong tục, tập quán: Lễ hội thường được diễn ra trong ngày với hai phần rõ rệt, sáng là phần lễ, chiều tổ chức hội. Sáng: tổ chức rước nước, đón du khách thập phương về dâng hương. Đọc tiểu sử của tướng quân Phạm Bạch Hồ và dâng hương. Diễn lại các tích liên quan đến tướng quân Phạm Bạch Hồ. Chiều: Sau lễ là tổ chức các trò chơi dân gian: đấu vật, múa lân, hát trống quân, múa rối nước, đánh cờ...kết thúc lễ hội.

Ngày nay, lễ hội được tổ chức đơn giản hơn, mục đích là tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, bài trừ những hủ tục lạc hậu xây dựng đời sống văn hóa mới.

Giá trị với hoạt động du lịch: năm 1992, bộ văn hóa thể thao đã công nhận đền Mây là di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật. Để hòa nhập với sự phát triển của Phố Hiến – Hưng Yên, Đền Mây đang được quy hoạch, trùng tu, tôn tạo để bảo đảm phục vụ khách thập phương và nhân dân trong vùng trong các ngày lễ hội. Đền Mây nằm trong quần thể di tích Phố Hiến, là một trong những điểm đã và đang được chính quyền thành phố Hưng Yên đưa vào khai thác du lịch.

Thực trạng của việc tổ chức và khai thác lễ hội: Để quản lý tốt an ninh trong mùa lễ hội, ban quản lý đền Mây đã đưa ra một số giải pháp như: Rà soát kế hoạch tổ chức lễ hội, điều chỉnh nội dung, chương trình lễ hội phù hợp, phần lễ tổ chức tôn nghiêm, phần hội vui tươi lành mạnh. Dự báo lượng khách đến để chỉ đạo thực hiện phương pháp thích hợp, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho nhân dân, bảo vệ cảnh quan môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra tại nơi tổ chức lễ hội được tăng cường; lực lượng kiểm tra hoạt động lễ hội đã có biện pháp chấn chỉnh, nhắc nhở, xử lý vi phạm tại chỗ đối với các biểu hiện có mục đích trục lợi, ngăn chặn và loại bỏ những biểu hiện thu phí không đúng quy định, lừa gạt khách tham quan, hoạt động mê tín dị đoan, đánh bạc.

*Lễ hội Đền Mẫu

Lịch sử phát triển của lễ hội và của các nhân vật được tôn thờ: đền Mẫu thờ bà Quý Phi họ Dương (vợ vua Tống), người đã tuấn tiết để giữ long chung thủy với vua và trung thành với tổ quốc. Theo “Đại Nam nhất thống chí” và “Thần tích” thì bà là vợ vua Tống Đế Bính (Trung Quốc). Năm 1279, quân Nguyên Mông xâm lược nước Tống, trước sức mạnh của giặc, vua Tống cùng hoàng tộc xuống thuyền chạy về phương Nam tránh nạn. Tướng nhà Nguyên Mông là Trương Hoàng Phạm cho quân đuổi theo đến Nhai Sơn thì bắt được, vua Tống và một số phi tần không chịu khuất phục đã nhảy xuống biển tự tận. Dân chài cửa Càn Hải vùng Châu Hoan (Nghệ An) thấy bốn xác người phụ nữ, y phục như hậu phi, cung phi trôi trên mặt biển. Họ vớt được 3 xác đem chôn cất, còn xác thứ 4 trôi ngược dòng lên phía Bắc. Truyền rằng xác phụ nữ trôi ngược dòng đó ít ngày sau dạt vào cửa sông vùng Phố Hiến, được dân cư ở đây vớt lên, mai tang chu đáo và lập miếu thờ. Đời vua Trần Anh Tông, niên hiệu Hưng Long thứ 2 (1294), thân chinh đi đánh Chiêm Thành, khi qua đây nằm mộng thấy thần nữ (chị Dương Quý Phi) đến xin âm phù giế giặc. Sau khi thắng trận trở về, nhớ tới công lao đó của Quý Phi, một mặt nhà vua cho tôn tạo lại đền, miếu, một mặt cho các bến bãi thu thuế thuyền buôn trích ra một phần cung cấp cho việc phụng thờ. Người dân đi biển đến đây lễ bái cầu xin thuận buồm xuôi gió...đều được như ý. Năm 1990, Đền Mẫu đã được Bộ Văn Hóa thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

Thời gian diễn ra lễ hội: Lễ hội hàng năm được tổ chức từ ngày 10 đến 15 tháng 3 âm lịch.

Quy mô của lễ hội: lễ hội được tổ chức với quy mô lớn không chỉ thu hút người dân địa phương và các vùng lân cận, mà còn thu hút được một lượng lớn du khách từ các địa phương khác đến dâng hương (Theo thống kê của phòng Văn hóa thông tin thành phố, lượng du khách ngoại tỉnh đến dâng hương ở đền Mẫu hàng năm chiếm 45% lượng khách đến dâng hương khoảng 13.157 lượt khách).

Những giá trị văn hóa và phong tục, tập quán: Lễ hội xưa được tổ chức rất linh đình, từ ngày 6/3 (Âm lịch) đã làm lễ chòng kiệu, ngày mùng 10 tổ chức rước kiệu quan thái giám họ Du từ Đình Hiến lên Đền Mẫu, ngày 11 lễ thỉnh kinh sau đó tổ chức rước nước, ngày 12 rước liềm (đi đầu là cờ, trống chiêng, long đình, bát bửu, lộ bộ, có đội múa lân, múa rồng. Đám rước đi một đoạn thì dừng lại để biểu diễn múa cờ. Bốn thanh nên cầm 4 cờ, múa theo nhịp trống, lúc

nhANH, lúc chậm. Sau mỗi tiếng trống, người múa cờ “hứ” một tiếng to và dài (nên được gọi là trò “tùng hứ”), ngày 13 là rước đu (đám rước đi quanh phố, đi trong đám rước cũng như hôm rước liêm. Trong đám rước, rồng vàng uốn lượn từ đầu đến cuối đám rước, có múa “Con đi đánh bông”. Đám rước đi đến đầu hai bên đường người dân reo hò, cổ vũ rất nhộn, ngày 15 lễ rước kiệu thánh trả về Đình Hiến và làm lễ rước kiệu kết thúc lễ hội. Ngoài các lễ rước, hội đền Mẫu còn tổ chức các trò chơi dân gian như: thi đánh cờ, thi đấu tổ tôm điếm, chọi gà, hát chầu văn...

Ngày nay, lễ hội được tổ chức đơn giản hơn. Ngày 10 tháng 3 âm lịch rước nước, rước kiệu thánh từ Đình Hiến lên Đền Mẫu, ngày 12 tổ chức rước đu vòng quanh thị xã và ngày 15 rước kiệu thánh trở về Đình Hiến. Ngoài ra còn tổ chức hát múa đón du khách thập phương.

Giá trị với hoạt động du lịch: Hàng năm, lễ hội đã thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến dâng hương, cầu phúc cầu lộc và lượng khách của năm sau thường tăng cao hơn năm trước (mỗi năm đón khoảng 13.571 lượt khách), đem lại nguồn thu khoảng gần 3 tỷ đồng mỗi năm cho thành phố. Theo thống kê của phòng Văn hóa thông tin thành phố hàng năm lượng du khách đến dâng hương ở đền Mẫu chiếm 75% lượng khách đến dâng hương ở các di tích thuộc thành phố.

Thực trạng của việc tổ chức và khai thác lễ hội: Ban quản lý di tích đền Mẫu nhận thấy đền là nơi linh thiêng với người dân địa phương, hàng năm thu hút một lượng lớn khách đến dâng hương, văn cảnh nên rất chú trọng việc tổ chức lễ hội bài bản, an toàn cho du khách. Việc phân công các đội phụ trách tế lễ, rước nước, chọn phu kiệu, đội múa lân, đội cầm cờ, đội trống chiêng, long đình, bát bửu...rất được coi trọng vì phải đảm bảo là những người có tư cách đạo đức, khỏe mạnh, có trách nhiệm, và phải ăn chay, giữ mình thanh sạch trước khi diễn ra lễ hội nửa tháng. Địa phương cũng cất cử người lo phân trang phục, đảm bảo trang phục phải sạch, đẹp, không rách, và đúng với từng vị trí trong khi tổ chức lễ hội. Ngoài ra còn có đội phụ trách sắm lễ dâng lên Thánh Mẫu, lễ phải đúng, đủ và đảm bảo.

Chính quyền địa phương, Ban tổ chức lễ hội cũng phối hợp với các lực lượng chức năng có phương án bảo đảm an ninh trật tự cho du khách, giải tỏa các lều quán bán hàng lấn chiếm đường đi, tăng cường các phương tiện, phương án phòng cháy, chữa cháy, đầu tư cơ sở vật chất, phân tuyến, nâng cấp đường

giao thông, quy hoạch bến bãi giữ xe, các kiot bán hàng để phục vụ nhân dân tham gia lễ hội và có nhiều biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

2.2.3 Nghệ thuật dân gian

Cũng như nhiều miền quê Bắc Bộ khác, ở nhiều vùng thuộc tỉnh Hưng Yên còn lưu giữ được một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống độc đáo như: múa lân, múa rồng, múa tứ linh và những làn điệu dân ca có giá trị như: ca trù, trống quân, hát xẩm, hát chèo,...

****Nghệ thuật hát ca trù***

Hát ca trù hay hát ả đào là một bộ môn nghệ thuật truyền thống ở phía Bắc Việt Nam kết hợp hát cùng một số nhạc cụ dân tộc. Ca trù thịnh hành từ thế kỷ 15, từng là một loại ca trong cung đình và được giới quý tộc và học giả yêu thích.

Ngày 1 tháng 10 năm 2009, tại kì họp lần thứ 4 của Ủy ban liên chính phủ công ước UNESCO Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (từ ngày 28 tháng 9 tới ngày 2 tháng 10 năm 2009), ca trù đã được công nhận là di sản phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp.

Lịch sử hình thành và phát triển: Qua nghiên cứu một số di tích lịch sử và danh nhân văn hóa của tỉnh, nhận thấy ca trù ở Hưng Yên xuất hiện từ khá lâu và cũng có thời vàng son, điển hình là ở di tích đền Mẫu thôn Đào Đặng, xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên thờ danh nhân Đào Thị Huệ.

Nghệ nhân: Đào Nương tên thật là Đào Thị Huệ, quê làng Đào Đặng, huyện Tiên Lữ, phủ Khoái Châu (nay là thôn Đào Đặng, xã Trung Nghĩa, thị xã Hưng Yên). Thủa ấy, con gái làng Đào Đặng xinh đẹp có tiếng, bà học thông biết rộng, hát hay múa giỏi, tiếng đồn hoa nhãn sắc nổi tiếng cả một vùng. Năm bà 18 tuổi, nhà Minh mượn có phù Trần diệt Hồ kéo quân sang xâm lược nước ta, chúng đóng quân ở khắp mọi nơi, vợ vệt của cải, giết hại lương dân. Căm thù quân giặc sách nhiễu, tàn sát ức hiếp dân lành, bà bàn với dân làng tìm cách giết giặc. Nhờ có tài nghệ xuất sắc, lại khéo léo, nên quân giặc rất tin và nể bà, chúng thường qua lại quán của bà ăn uống, chè chén so say rồi lăn ra ngủ.

Hồi bấy giờ, Hưng Yên còn là vùng sinh lầy, lau sậy um tùm, ruồi muỗi nhiều vô kể. Quân giặc không quen phong thổ thường sinh bệnh tật và chết vì muỗi độc. Vừa sợ lạnh, vừa sợ muỗi đốt chúng nảy ra sáng kiến làm những túi gai đêm đến chui vào ngủ, nhờ bà buộc lại, sáng hôm sau lại mở túi ra. Nhiều

lần như vậy, Đào Nương nghĩ ra kế giết giặc. Đợi đến đêm khuya khi chúng đã ngủ say, bà cùng với dân làng khiêng từng bao tải ném xuống sông, nước cuốn trôi ra biển. Đêm nào cũng vậy, thấy quân số ngày càng hao hụt mà không biết vì có gì, chúng cho rằng đất nghịch không thể ở được, bèn kéo nhau đi nơi khác. Từ đó nhân dân trong vùng yên ổn làm ăn. Nhớ công ơn bà, dân làng lập đền thờ và đặt tên thôn ấy là thôn Á Đào. Bà được suy tôn là một trong những vị tổ nghệ thuật ca trù của nước ta. Dân làng tôn thờ bà, gọi bà là Thiên sinh Thánh Mẫu họ Đào hoặc ả Đào. Nghệ thuật ca hát của bà được dân làng truyền từ đời này sang đời khác với tên gọi hát Á Đào.

Đất nước thanh bình, Lê Thái Tổ lên ngôi biết chuyên bèn phong bà làm chức phúc thần, cho sửa lại đền thờ và cấp ruộng cúng tế.

Giá trị về lời ca, âm vực: Hát nói là biến thể của song thất lục bát. Các nhà viết sách thời xưa cho rằng Hát nói là một hình thức biến đổi của thể ngâm Song thất lục bát: Trong hát nói có Mưỡu là những câu thơ lục bát, nhiều câu 7 chữ có vần bằng, vần trắc, có cước vận, yêu vận. Nhưng khi đã phát triển, Hát nói là một thể tài hỗn hợp gồm: thơ, phú, lục bát, song thất, tứ tự, nói lối... Trong lối hát ả đào có nhiều loại như: Dâng hương, giáo trống, gửi thư, thét nhạc thì hát nói là lối thông dụng và có tính văn chương lý thú nhất.

Nghệ thuật biểu diễn, không gian biểu diễn: Một chầu hát cần có ba thành phần chính: Một nữ ca sĩ (gọi là “đào” hay “ca nương”) sử dụng bộ phách gõ lấy nhịp; Một nhạc công nam giới (gọi là “kép”) chơi đàn đáy phụ họa theo tiếng hát; Người thưởng ngoạn (gọi là “quan viên”, thường là tác giả bài hát) đánh trống chầu chấm câu và biểu lộ chỗ đắc ý bằng tiếng trống.

Vì là nghệ thuật âm nhạc thính phòng, không gian trình diễn ca trù có phạm vi tương đối nhỏ. Đào hát ngồi trên chiếu ở giữa. Kép và quan viên ngồi chéch sang hai bên. Khi bài hát được sáng tác và trình diễn ngay tại chỗ thì gọi là “tức tịch,” nghĩa là “ngay ở chiếu”.

Bài bản ca trù có nhiều loại. Phổ thông nhất là hát nói, một thể văn vần có tính cách văn học cao. Những bài hát nói nổi tiếng phải kể đến: Cao Bá Quát với “Tự tình”, “Hơn nhau một chữ thì”, “Phận hồng nhan có mong manh”, “Nhân sinh thấm thoát”...; Nguyễn Công Trứ với “Ngày tháng thanh nhàn”, “Kiếp nhân sinh”, “Chơi xuân kéo hết xuân đi”, “Trần ai ai dễ biết ai”...; Dương Khuê với “Hồng hồng, tuyết tuyết “tức” Gặp đào Hồng đào Tuyết”.

Ngoài ra còn có những làn điệu cổ điển khác như “Tỳ bà hành” (bản diễn Nôm của Phan Huy Vịnh theo cổ bản của Bạch Cư Dị). Những điệu huê tình, gửi thư, bác phản, hát giai... cũng thuộc thể ca trù.

Thực trạng và khả năng khai thác bảo tồn du lịch: Hiện nay, nghệ thuật hát ảo đào ở Hưng Yên đã không còn như xưa, do những thăng trầm và thay đổi của cuộc sống, con người cũng đã thay đổi nhiều. Nhưng chính quyền thành phố và Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh đã lên kế hoạch phục hồi lại loại hình nghệ thuật này nhằm phục vụ du lịch. Trước hết là hát ở lễ hội, hiện nay là Đào Đặng còn có đền thờ và tượng Đào Nương. Hội đền tổ chức từ ngày mồng 1 đến ngày mồng 6 tháng 2 âm lịch hàng năm. Sau đó có thể sẽ lập các đoàn nghệ thuật, không những là duy trì, gìn giữ nét đẹp văn hóa truyền thống, phục vụ du lịch mà còn là để truyền dạy lại cho con cháu đời sau biết yêu nghệ thuật hát ảo đào

****Nghệ thuật hát chèo***

Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam. Chèo phát triển mạnh ở đồng bằng Bắc Bộ. Loại hình sân khấu này phát triển cao, giàu tính dân tộc. Chèo mang tính quần chúng và được coi là một loại hình sân khấu của hội hè với đặc điểm sử dụng ngôn ngữ đa thanh, đa nghĩa kết hợp với cách nói ví von giàu tính tự sự, trữ tình. Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là Kinh kịch của Bắc kinh và sân khấu Nhật Bản là kịch nô thì đại diện tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo.

Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm; được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc. Trong chèo, cái thiện luôn thắng cái ác, các sỹ tử tốt bụng, hiền lành, luôn đỗ đạt, làm quan còn người vợ thì tiết nghĩa, cuối cùng sẽ được đoàn tụ với chồng. Chèo luôn gắn với chất “trữ tình”, thể hiện những xúc cảm và tình cảm các nhân của con người, phản ánh mối quan tâm chung của nhân loại: tình yêu, tình bạn, tình thương. Nhân vật trong chèo thường mang tính ước lệ, chuẩn hóa và rập khuôn. Tính cách của các nhân vật trong chèo thường không thay đổi với chính vai diễn đó. Những nhân vật phụ của chèo có thể đổi đi và lặp lại ở bất cứ vở nào, nên hầu như không có tên riêng. Có thể gọi họ là thầy đồ, phú ông, thừa tướng, thư sinh, hề v.v... Tuy nhiên, qua thời gian, một số nhân vật như Thiệt Thê, Thị Kính, Thị Mầu, Sứ Vân đã thoát khỏi tính ước lệ đó và trở thành một nhân vật có cá tính riêng. “Hề” là một vai diễn thường có trong các vở diễn chèo. Các cảnh diễn có vai hề là nơi để cho người dân đả kích những thói hư tật

xấu của xã hội phong kiến hay kể cả vua quan, những người có quyền, có của trong làng xã. Có hai loại hệ chính bao gồm : hệ áo dài và hệ áo ngắn.

Lịch sử hình thành và phát triển: Chèo bắt nguồn từ âm nhạc và múa dân gian, nhất là trò nhại từ thế kỷ 10. Qua thời gian, người Việt đã phát triển các tích truyện ngắn của chèo dựa trên các trò nhại này thành các vở diễn trọn vẹn dài hơn. Thế kỷ 18, hình thức chèo đã được phát triển mạnh ở vùng nông thôn Việt Nam và tiếp tục phát triển, đạt đến đỉnh cao vào cuối thế kỷ 19.

Nằm giữa đồng bằng Bắc Bộ, trên nền phù sa màu mỡ của châu thổ sông Hồng, Hưng Yên mang đậm những giá trị truyền thống của một vùng văn minh lúa nước, đồng thời còn là “cái nôi” của nghệ thuật chèo (theo báo Nhân Dân trong bài viết “Phát huy truyền thống chèo Đông” ra ngày 17/1/2012), một loại hình nghệ thuật diễn xướng độc đáo, lâu đời của dân tộc. Cùng với chèo Hải Dương, Hải Phòng, chèo Hưng Yên đã góp phần định hình và tạo nên chèo Đông, một vùng chèo nổi tiếng trong bốn chèo chung quanh kinh thành Thăng Long xưa: chèo Đoài, chèo Bắc, chèo Nam. Nhà nghiên cứu chèo Hà Văn Cầu cho rằng nền nghệ thuật sân khấu, ca múa nhạc nước ta, trong đó có Hưng Yên, được hình thành từ rất sớm, đến đời Lý – Trần đã xuất hiện đội ngũ nghệ sĩ chuyên nghiệp có tài năng, trở thành chim đầu đàn của từng loại hình nghệ thuật biểu diễn.

Từ những chiếu chèo sân đình, nâng cao hơn là các phường chèo, rồi lớn nhất là đến các chèo chèo (hay còn gọi một cách khác là vùng chèo) mang các đặc điểm đặc trưng của các làn điệu, hình thức diễn xướng dân ca vùng, miền. Chèo Đông xưa và chèo Hưng Yên là đất chèo gốc, “cái nôi” của các làn điệu chèo cổ, cho đến hôm nay vẫn còn đó nhiều chiếu chèo, phường chèo làng, xã truyền thống, đại diện cho một vùng phong cách.

Một số vở chèo tiêu biểu của chèo Hưng Yên như vở chèo Danh y vào Phủ chúa, vở chèo Hương Cúc, vở Tống Trân – Cúc Hoa, vở Lưu Bình Dương Lễ, Tấm Cám,...

Nghệ nhân: Xưa các các nghệ sĩ được dân gian suy tôn thành các “ tổ chèo”, “trùm chèo” như: Phạm Thị Trân, Đào Văn Sớ, Sái Át.

Đào Văn Sớ ở Đằng Châu (nay thuộc thành phố Hưng Yên). Ông có nhiều học trò theo nghề ca hát, được các gánh Chèo đời sau tôn là một trong “Nhị vị Ông Làng” (hai vị Tổ nghề Chèo: Đào Văn Sớ (Hưng Yên) và Đặng Hồng Lân (Thái Bình).

Các loại nhạc cụ dùng để cùng biểu diễn: Chèo sử dụng tối thiểu hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị. Ngoài ra, các nhạc công còn dùng sáo, trống, chum chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la và mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Có câu nói “phi trống bất thành chèo” chỉ vị trí quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo. Trong chèo hiện đại có sử dụng thêm các loại nhạc cụ khác để làm phong phú thêm phần đệm như đàn thập lục, đàn tam thập lục, đàn nguyệt và tiêu...

Nghệ thuật biểu diễn, không gian biểu diễn: Đây là loại hình nghệ thuật tổng hợp các yếu tố dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nó là chính thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, và có thể được biểu diễn ngẫu hứng. Sân khấu chèo dân gian đơn giản, những danh từ chèo sân đình, chiếu chèo cũng phát khởi từ đó.

Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu Châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Do vậy, vở kịch kéo dài hay cắt ngắn tùy thuộc vào cảm hứng của người nghệ sỹ hay đòi hỏi của khán giả. Số làn điệu chèo theo ước tính có khoảng trên 200.

Thực trạng và khả năng khai thác bảo tồn du lịch: Nhận thấy được giá trị của các loại hình nghệ thuật, thành phố Hưng Yên đã chú trọng đầu tư phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống của thành phố như: Chèo, hát ả đào và nhất là nghệ thuật chèo. Với việc xây dựng nhà hát chèo, thành phố cũng lập ra ba đoàn chèo cùng hoạt động. Đoàn chèo thường xuyên xây dựng các vở chèo mới đi phục vụ nhân dân các huyện, đồng thời tuyên truyền các chính sách mới của Đảng và Nhà nước, quảng cáo hình ảnh của thành phố Hưng Yên. Ngoài ra, còn có mục đích phục vụ du khách trên tàu thuyền du lịch trên sông Hồng, các tour tham quan thành phố nếu có yêu cầu.

Các giá trị văn hóa nghệ thuật là loại tài nguyên du lịch hấp dẫn du khách, thuận lợi cho phát triển loại hình du lịch tham quan giải trí, nghiên cứu. Việc bảo tồn, khôi phục phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật góp phần làm phong phú hấp dẫn thêm cho các loại tài nguyên du lịch khác và nhiều loại hình khác như: du lịch sông nước; du lịch văn hóa các dân tộc; du lịch tham quan; du lịch lễ hội.

2.2.4 Nghệ thuật ẩm thực

Hung Yên có những đặc sản nổi tiếng như: Nhãn lồng Phố Hiến, gà Đông Tảo (Đông tảo – Khoái Châu), sen Nễ Châu, tương bần (thị trấn Bần Yên Nhân), bún thang Thế Kỷ (thành phố Hưng yên), bánh cuốn nóng làng Sài Thị (Thuần Hưng - Khoái Châu), ếch om Phụng trường (Tiên Lữ), bánh dày làng Gàu (Cửu Cao – Văn Giang), chả gà Tiêu Quan (Phùng Hưng – Khoái Châu), rượu Trương Xá (Kim Động), rượu Lạc Đạo (Văn Lâm), chuột đồng (Nghĩa Trụ - Văn Giang), Bánh cuốn (Mễ Sở-Văn Giang), cam Yên Mỹ (Yên Mỹ).

Ngoài ra còn phải kể đến các sản vật nông nghiệp truyền thống như: nếp cái hoa vàng, lúa gạo, bầu, bí, mướp và nhất là khoai lang Nhật Quang (xã Nhật Quang – Phù Cừ) nổi tiếng thơm ngon và có nguy cơ thất truyền do thoái hóa giống, mắm tép – Lệ Xá, giò bì Phố Xuôi, cá Mòi là một món ăn không thể thiếu vào những ngày đông giá rét giáp Tết nguyên đán.

Xin nói cụ thể hơn về một số đặc sản riêng chỉ có ở thành phố Hưng Yên.

*** Nhãn Lồng**

Trên lãnh thổ Việt Nam nhiều vùng có nhãn, song chỉ có ở Phố Hiến mới có thứ nhãn quả to và ngon nổi tiếng nhất, người ta quen gọi là nhãn lồng.

Nguồn gốc, xuất xứ: Về xứ nhãn tìm hiểu nghĩa gốc của tên gọi nhãn lồng, mỗi người giải thích một cách. Nhãn có nhiều loại được đặt tên theo tính chất và hương vị của quả. Nào là Nhãn cùi, Nhãn nước, Nhãn đường phèn, Nhãn gỗ (ăn khô), Nhãn thóc (quả nhỏ), Nhãn hôi hành (có mùi hành)...Nhưng chỉ có những quả nhãn to và ngon thường là nhãn cùi, nhãn đường phèn, mới được gọi là Nhãn lồng.

Nhãn, chữ Hán, nghĩa là mắt, như long nhãn nghĩa là mắt rồng. Như vậy là bắt đầu từ màu đen và kích cỡ của hạt nhãn mà dân gian đặt cho cái giống cây ấy (ban đầu không có tên hoặc mang tên khác) là cây nhãn.

Thế còn chữ Lồng ? Một cách lý giải được nhiều người công nhận là căn cứ vào cái lồng bảo vệ chum nhãn. Những cây nhãn ngon, đẹp mã, phải chờ được nước mới thu hoạch nên loài dơi và chim chóc thường ăn trước, có khi sau vài đêm dơi “bóc” vãn cả cây nhãn. Cho nên chủ nhà phải đan những cái lồng (rọ) rồi đưa chum nhãn vào bên trong để bảo vệ. Cây nhãn Tiên (dùng để tiến vua) ở cửa chùa Hiến bây giờ nghe nói xưa kia người ta vẫn đan lồng để bảo vệ quả và canh giữ rất chu đáo.

Cây nhãn trước cửa chùa Hiến, được đặt bia mang tên là cây Nhãn Tô, chính xác ra nên gọi là cây Nhãn Tiến. Đó là cây nhãn đường phèn có dáng chum đẹp, mã lựa, quả có cùi dày, hương vị thơm ngon đặc sắc nhất, vào mỗi mùa quả thường được chọn hái để dâng cúng Thành Hoàng và tiến vua. Thân cây chính đã già cỗi bị ruỗng, đổ, chỉ còn một cành nhánh được đắp vun gốc, chăm sóc phát triển thành một cây “hậu duệ”, hiện diện như một biểu tượng của giống nhãn đặc sản Phố Hiến – Hưng Yên.

Nghệ thuật sản xuất, giá trị sử dụng của sản phẩm: Trước đây nhãn Hưng Yên cũng là một cây ăn quả “cây nhà lá vườn” như bao cây trồng khác. Theo một số cụ cao tuổi kể lại rằng, trước đây nhãn thường trồng xen canh với các loại cây trồng khác trong vườn của nhiều hộ gia đình, trồng nhiều ở ven đường làm cây bóng mát, nhãn được trồng ở ven đê, trồng ở khuôn viên đình chùa, trường học và trong khuôn viên một số cơ quan. Trong thời kỳ chiến tranh, lương thực khó khăn, một số gia đình đã phá nhãn trồng cây màu. Trong thời kỳ đổi mới, khi điều kiện kinh tế khá hơn, nhu cầu thưởng thức các loại quả tươi ngon ngày càng cao, nhiều hộ gia đình đã cải tạo vườn tạp chuyển sang trồng nhãn. Theo thống kê của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, khi mới tái lập tỉnh (năm 1997), toàn tỉnh có khoảng 1.500 ha trồng nhãn, đến nay diện tích trồng nhãn đã tăng lên khoảng 5.500 ha. Nhãn được trồng nhiều ở thành phố Hưng Yên và các huyện Tiên Lữ, Khoái Châu, Kim Động, Ân Thi... Nhãn ở Hưng Yên không chỉ bán quả tươi vào mùa vụ mà còn được chế biến làm long nhãn để có thể sử dụng quanh năm. Long nhãn là vị thuốc nam có tác dụng bồi dưỡng sức khỏe và an thần rất hiệu nghiệm. Vào mùa xuân hoa nhãn nở, cũng là dịp để những người nuôi ong được mùa mật thơm ngon nhờ hoa nhãn. Trong số những cây bóng mát ở thành phố Hưng Yên và một số huyện hiện nay, cây nhãn vẫn chiếm đa số.

Giá trị với hoạt động du lịch: Nhãn là cây cho quả theo mùa, vì vậy việc đưa nhãn vào khai thác du lịch cũng phụ thuộc theo mùa nhãn. Nhưng bên cạnh đó các sản phẩm từ cây nhãn như mật ong nhãn, quả nhãn, và long nhãn lại có giá trị cao về kinh tế. Bởi vậy, khi đưa cây nhãn vào tour du lịch ngoài tour thăm các vườn nhãn khi vào mùa (mùa hoa, mùa thu hoạch quả từ tháng 3 đến hết tháng 7 âm lịch) còn có thể khai thác kết hợp với tour du lịch mua sắm đặc sản từ nhãn. Đây cũng là một kênh quảng bá cho du lịch thành phố vừa hiệu quả, vừa đem lại nguồn lợi cao.

*** Chè sen long nhãn**

“Tháng sáu buôn nhãn bán trăm”

Đó là câu ca dao quen thuộc của người phố Hiến. Hưng Yên nổi danh khắp nước cũng nhờ nhãn. Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng mô tả: “Mỗi lần bỏ vào miệng thì tận trong răng lưỡi đã nạy ra vị thơm tựa như nước thánh trời cho. Cùi nhãn trong như hồ phách, hạt nhỏ, nước ngọt mát và thơm lạ lùng”. Ở thành phố HƯNG Yên nhãn được trồng nhiều ở ven đê từ Đàng Châu đến cửa sông Luộc.

Nghệ thuật sản xuất, giá trị sử dụng của sản phẩm: Mùa quả chín vào tháng sáu âm lịch. Một túm nhãn khoảng trăm quả, kèm thêm vài cành lá tươi đặt trên ban thờ, thắp nén hương khấn ông bà tổ tiên về chứng giám đã trở thành nét đẹp văn hóa của người Phố Hiến. Nhãn Hưng Yên có nhiều loại. Loại phơi khô để ngâm rượu, làm nhân bánh thì dùng nhãn nước. Loại nấu chè sen người ta dùng nhãn đường phèn hoặc nhãn hoa nhài, nhãn này cùi dày, có vân, nước ngọt mát, có hương thoảng như hoa nhài. Hạt sen nấu chè người ta chọn loại bỏ toi, ở những đầm có đặc điểm thổ ngòi như sen An Cầu, sen Dốc Suối. Phải biết phân loại sen bách diệp với sen quý, vì hai loại này tương tự như nhau. Không phải người địa phương thì cũng dễ lầm lẫn...

Làm chè hạt sen cần sự khéo léo thực sự. Bắt đầu từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến cách tách long nhãn. Người làm tỉ mỉ, khéo léo dùng con dao nhọn tách long nhãn sao cho cùi nhãn không bị rách, nát. Như thế nó mới có thể ôm trọn lấy hạt sen, để hạt sen nằm e ấp trong cùi nhãn, quện hương vào nhau. Nước chè thường được nấu riêng bằng đường hoa mai thơm dịu với nước mưa. Những hạt sen ninh nhừ, được lồng vào cùi nhãn, rồi thả vào bát sứ Giang Tây xinh nhỏ, bát chè trong như hồ phách điểm loáng thoáng nhân sen nhãn. Khi ăn mới rót nước chè vào, qua lớp nước trong ta nhìn rõ được hạt sen, cùi nhãn...Chè hạt sen long nhãn là món để ăn chơi, cần sự thông dong để cảm nhận cái hương vị ngọt ngào cao quý ngưng đọng trong hương vị của nhãn, của sen.

Giá trị với hoạt động du lịch: vào những ngày hè nóng nực đây là một món ăn không dễ bỏ qua vì tính giải khát, giải nhiệt cao, rất tốt cho cơ thể. Hiểu được điều này nên rất nhiều cơ sở kinh doanh quanh các điểm du lịch của thành phố đã mở điểm bán chè sen long nhãn nhằm thu hút khách du lịch, vừa bổ, vừa là đặc sản. Chính từ những điểm kinh doanh này đã tạo nên những nét đặc trưng

rất riêng của thành phố Hưng Yên, bổ sung vào danh mục những đặc sản hấp dẫn của thành phố.

*** Mật ong nhãn**

Nghệ thuật sản xuất, giá trị sử dụng của sản phẩm: Khi tiết trời chuyển mình từ xuân sang hè, từ se lạnh sang oi ả cũng là lúc những con đường ở thành phố Hưng Yên rộn ràng hoa nhãn. Những chùm hoa nhãn trắng vàng như những mâm xôi đơm đầy, mùi hương dịu nhẹ lan tỏa khắp không gian, từng đàn ong mật rập rờn lượn quanh những chùm hoa hứa hẹn những giọt mật vàng ươm, thơm mát. Ong có thể chế biến mật từ rất nhiều loại hoa, nhưng mật nhãn là thứ mật ngon, quý và tốt nhất. Hoa nhãn không nở quanh năm mà chỉ có khi vào hè, đặc biệt không phải hè nào hoa nhãn cũng nở rộ mà phải là mùa hè ít mưa, nhiều nắng. Khi một tuần liền không có mưa và hoa nhãn nở nhiều là lúc chất lượng mật tốt nhất, bởi vì mật ong sẽ đặc quánh, nguyên chất không mang theo hơi nước của khí trời ẩm ướt có mưa. Thêm nữa khi hoa nở nhiều người nuôi ong không phải cho ong ăn thêm đường, khi đó mật ong là nguyên chất mật hoa. Hiện nay, người ta lấy mật bằng cách cho sáp ong vào máy và quay, như thế sẽ nhanh hơn và được nhiều khay sáp cùng lúc.

Giá trị với hoạt động du lịch: Ở thành phố Hưng Yên có một số điểm nuôi ong nhiều, nổi tiếng và uy tín như quanh khu Văn miếu Xích Đằng và ven đê Phố Hiến. Không chỉ góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân, thu hút khách du lịch ngày một đông mà còn đem lại nguồn thu cho du lịch thành phố hàng năm.

*** Bún thang lươn**

Nghệ thuật sản xuất, giá trị sử dụng của sản phẩm: Bún thang là món ăn đặc biệt ưa thích của người Phố Hiến. Người Hưng Yên xa xứ mỗi khi về thăm quê hương thường tìm lại quán bún thang ở gốc Sanh, phía gần cuối thành phố. Thành phần chính của thang có loại làm bằng lươn, có loại làm bằng thịt gà. Nhưng bún thang lươn ngon hơn, chế biến công phu hơn và cũng đích thực bún thang hơn! Lươn được làm sạch hết lớp nhày ở bên ngoài và lớp óng ánh ở bên trong con lươn. Làm xong, có người thui qua lửa, có người thì không thui. Nhưng thui rồi mới mổ để lươn không bị mất máu, bao giờ cũng ngon hơn. Lươn luộc gỡ lấy thịt tẩm nghệ rồi xào lên, còn xương đem giã lọc lấy nước. Xưa kia nước dùng phải được ninh với xương lợn, xương gà, cả cua đồng, tôm he và sá sung, không thiếu thứ nào, váng hớt đi chỉ còn lại nước trong, thơm

ngậy. Bí quyết làm bún thang ngon là mọi thứ nguyên liệu đều chế biến vừa đủ độ chín tới, liều lượng cân đối, không non tay cũng không già lửa...

Bún trong bát thang phải là bún Vân Tieu, loại bún rối, sợi bún nhỏ, trắng và dòn. Trên nền bún trắng có giò lụa, trứng tráng thái chỉ, thịt lợn xào vàng thêm ít thịt ba chỉ thái nhỏ, rau răm rắc lên trên, nhìn bát bún như là một tác phẩm nghệ thuật đầy màu sắc. Chưa đủ, còn cần thêm thìa mắm tôm canh trước khi rưới nước dùng và sau cùng là nhỏ vào tí chút hương cà cuống...lúc ấy, bát bún được đặt mời quý khách với đủ màu sắc và hương vị đặc biệt của bún thang...một buổi sáng mùa thu, nhấp một ly rượu, ăn một bát bún thang gốc Sanh, ăn xong đứng dậy, bước đi bỗng trở lên chậm chạp vì sự lắng đọng, rạo rức, xao xuyến...

Giá trị với hoạt động du lịch: Một món ăn không chỉ có giá trị cao về dinh dưỡng mà đã góp phần tạo nên thương hiệu cho du lịch thành phố với món đặc sản không thể tìm thấy ở bất kỳ đâu ngoài gốc Sanh thành phố Hưng Yên.

Nhà văn Lê Lựu đã nói: “Bún thang lợn là một nỗi nhớ của người con thành phố Hưng Yên mỗi khi xa quê”.

2.2.5 Làng nghề truyền thống

Theo số liệu điều tra của Cục thống kê, hiện nay toàn tỉnh Hưng Yên có khoảng 62 làng nghề hoạt động ở các lĩnh vực và mức độ khác nhau, thu hút và giải quyết việc làm cho trên 19.800 lao động. Từ năm 2014 đến nay làng nghề và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp tốc độ tăng trưởng bình quân năm là 12,5%. Giá trị sản xuất của các làng nghề chiếm tỉ trọng trên 30% trong tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp: năm 2001 đạt 204 tỷ đồng, năm 2002 đạt 230 tỷ đồng, năm 2010 đạt 278 tỷ đồng, hiện tại con số đó còn hơn nữa. Chỉ riêng thành phố Hưng Yên đã có 14 làng nghề truyền thống: làng nghề mây tre đan, làng nghề làm mộc, làng nghề đan cát, làng nghề làm bún, làng nghề làm thảm ngô, làng nghề làm mộc, làng nghề làm đậu phụ, làng nghề làm kẹo bột, làng nghề dệt lụa vải, làng nghề làm bánh trung thu, làng nghề chài lưới, làng nghề làm bánh đa, bánh cuốn. Các làng nghề này đa phần được hình thành từ thế kỷ XVI trở lại đây, từ khi Phố Hiến còn hưng thịnh, sự giao lưu buôn bán, giao lưu văn hóa giữa thành phố Hưng Yên và các địa phương khác còn rất nhộn nhịp.

Hiện nay, các làng nghề này vẫn rất phát triển, tuy nhiên đi cùng với sự phát triển đó là sự ô nhiễm môi trường thường thấy ở các làng nghề, điều này gây khó khăn lớn cho việc đưa vào khai thác du lịch. Việc tiêu thụ hàng hóa ở

các làng nghề này cũng được chính quyền địa phương coi trọng, điển hình để giúp người dân có thể thuận tiện hơn trong việc bán sản phẩm, chính quyền thành phố đã quyết định tổ chức “Các Lễ hội văn hóa dân gian Phố Hiến” hàng năm. Lễ hội không chỉ nhằm khôi phục lại những nét văn hóa dân gian Phố Hiến” hàng năm.

- **Nghề chế biến long nhãn Hồng Nam**

Lịch sử phát triển, quy mô của làng nghề : Làng thuộc xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên với hơn 180 hộ gia đình làm nghề chế biến long nhãn. Làng nghề được hình thành từ thế kỉ XVII khi nhãn lồng đã trở thành một đặc sản của Phố Hiến. Thời vụ thu hoạch nhãn thường chỉ kéo dài 35 đến 50 ngày, đây chỉ là thời kì bận rộn nhất của nghề làm long nhãn. Thời điểm này, Hồng Nam thu hút khoảng 1.200 lao động, phần đông là người của làng, song cũng có người ở các xã lân cận, có cả bà con ở thành phố Hưng Yên. Nghề làm long nhãn có ở nhiều nơi trong tỉnh, nhưng tập trung lớn nhất ở xã Hồng Nam thành phố Hưng Yên, Hồng Nam có hơn 180 hộ sản xuất long nhãn.

Nghệ thuật sản xuất và lựa chọn nguyên liệu : Cứ mỗi khi mùa nhãn bắt đầu người dân xã Hồng Nam lại bận rộn gấp bội ngày thường. Muốn long nhãn được thơm ngon, phải chọn những trái nhãn thật tươi, cùi dày và ngọt, thường là nhãn Hương Chi, nhãn cùi và nhãn đường phèn. Nhãn sau khi được chọn lựa sẽ được tách cùi ra khỏi hạt bằng bút xoáy (vật kim loại có đầu nhọn nhựa bút máy). Việc xoáy long đòi hỏi phải thật khéo léo và tỉ mỉ long khỏi bị rách. Long xoáy xong được xếp cao su vào phên lưới rồi cho vào lò sấy. Long sấy sau 24h mang ra giở đều đến khi cùi nhãn se lại, đượm vàng là đã thành công.

Giá trị thẩm mỹ và sử dụng của sản phẩm : Ngoài công dụng làm thực phẩm long nhãn còn là 1 vị thuốc dùng để bồi bổ, chữa các bệnh hay quên, thần kinh kém, hay hoảng hốt, thần kinh suy nhược, khó ngủ. Long nhãn khô là 1 sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao rất tốt, đặc biệt cho trẻ trong quá trình sinh trưởng và phát triển, Ngoài ra, long nhãn khô còn là loại thức ăn ngọt hấp dẫn mà không gây béo phì bởi vị ngọt tự nhiên của trái cây, không phải ngọt đường gây tác hại xấu cho sức khỏe.

Theo Đông y, long nhãn có tác dụng làm tinh thần trở nên minh mẫn, khỏe mạnh, là thực phẩm hỗ trợ cho dạ dày và đường ruột. Long nhãn sấy khô được chế biến cầu kì rất tốt cho sức khỏe, ngoài việc là món ăn nhâm nhi ngon miệng mà còn có thể sử dụng để chế biến nhiều món ăn thơm ngon và bổ dưỡng. Theo

kinh nghiệm lâm sàng của Đông y, long nhãn là vị thuốc bổ huyết, ích tâm, kiện tỳ, ích trí. Dem so sánh với táo tàu thì tác dụng chữa bệnh tỳ của long nhãn còn tốt hơn. Nó vvaf bổ khí vừa bổ huyết, có hiệu quả điều trị chứng mất ngủ do suy nghĩ, lo lắng quá nhiều, tâm trạng bứt rứt, hồi hộp. Hạng nhãn tán thành bột gọi là lệ châu, dùng để cầm máu khi bị thương, làm giảm đau, chóng lành da, không để lại sẹo. Vỏ nhãn nghiền thành bột để chữa bỏng...

Long nhãn có thể dùng để nấu cùng thịt gà để làm thành món gà hầm long nhãn chữa mất ngủ, an thần, chè sâm, chè long nhãn táo đỏ... cung cấp nhiều dưỡng chất.

Việc tiêu thụ ản phẩm, mức thu nhập và đời sống của người dân từ việc sản xuất : Hưng Yên là mooyj tỉnh có đặc sản nhãn lồng nổi tiếng, hàng năm sản lượng thu hoạch đạt khoảng 25.000 tấn nhãn quả tươi. Hiện nay nhãn được tiêu thụ cho người tiêu dùng ăn, đóng hộp hoặc chế biến thành long nhãn. Long nhãn được tiêu thụ phần lớn ở thị trường Trung Quốc, Hồng Kông qua các chợ biên giới. Người xã Hồng Nam không chỉ chế biến long nhãn ở Hưng Yên àm còn tổ chức thu mua rồi chế biến tại Mộc Châu. Sơn La và ở phía Nam. Vì vậy Hồng Kông xuất hiện tỷ phú từ nghề làm long nhãn. Hiện nay chế biến long nhãn đều bằng phương pháp thủ công.

Sản lượng thành phẩm long nhãn mỗi năm vào khoảng 200 tấn, doanh thu bán rad của Hồng Nam đạt hơn 20 tỷ đồng, thu nhập của người làm công đạt 1.500.000 – 2.000.000/tháng. Với mỗi kg long nhãn loại 1 người dân nơi đây có thể thu lại từ 150.000-170.000. loại 2 từ 120.000-140.000. Năm 2011 với sản lượng đạt toàn xã ước yinh hơn 1.000 tấn quả, xã Hồng Nam đã thu trên 30 tỷ đồng. Trong đó, xa có khoảng trên 20 hộ trồng nhãn với diện tích lớn từ 1 đến 2 mẫu và cho thu nhập từ 200-400 triệu đồng từ nhãn quả.

Cơ chế, chính sách cho phát triển làng nghề : 26/7/2011 được sự giúp đỡ của chính quyền thành phố Hưng Yên và tỉnh Hưng Yên, hợp tác xã nhãn lồng Hồng Nam được thành lập với mục tiêu nhằm quảng bá thương hiệu nhãn lồng Hưng Yên và nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp với tiêu chí : Nâng cao chất lượng, ổn định năng suất. Đồng đều các sản phẩm màu sắc, hương vị sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch gắn liền với vệ sinh an toàn thực phẩm. Tạo một nền nông nghiệp bền vững với đặc điểm xây dựng vùng cây đặc sản Hưng Yên. Được sự hỗ trợ về kỹ thuật và tư vấn chuyên môn của tổ chức kỹ thuật Đức-gọi tắt là GTZ. Hỗ trợ về chính sách và cơ chế của viện chính sách chiến

lược nội bộ nông nghiệp(JPSAPD).Giảm sát kỹ thuật,sản xuất,bảo quản,bao gói bởi sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Hưng Yên.

Đầu tư bảo vệ,phát huy giá trị văn hóa vào đời sống kinh tế-xã hội và du lịch : Tuy thời gian làm long nhãn không dài nhưng sản phẩm làm ra có thể tiêu thụ quanh năm,bởi vậy khi đưa vào khai thác du lịch có thể kết hợp với việc tham quan vườn nhãn,các làng nghề khác và làng nghề Hồng Nam sẽ là nơi mua sắm cầu du khách khi đến tham quan.

- **Làng nghề hương xạ Cao Thôn**

Sản xuất hương xạ là nghề truyền thống ở Cao Thôn.

Lịch sử phát triển,quy mô làng nghề : Cao Thôn nằm ở vị trí cửa ngõ của thành phố Hưng Yên. Với lịch sử hàng trăm năm,ngành làm hương xạ ở Cao Thôn thực sự rất phát triển.Hưng Yên có 1 số làng chuyên làm hương,nay chỉ còn 2 nơi duy trì nghề này: Thôn Hạ-xã Trai Trang-Huyện Yên Mỹ chuyên làm hương đen nhưng nay quy mô bị thu hẹp do không có thị trường ;Thôn Cao xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên.

Hương xạ Cao Thôn nổi tiếng xưa nay được mọi miền ưa chuộng và đã được các đại lý lớn xuất khẩu sang 1 nước láng giềng.Trải qua bao nhiêu năm,nén hương xạ Cao Thôn đã có được những sản phẩm chất mà ít làng hương nào bì kịp,từ mùi thơm cho đến độ bắt lửa lẫn hình thức.Hương Cao Thôn có mùi thơm đặc trưng,nhẹ mà thanh,không sực nức nhưng lại phảng phất rất lâu.Cả làng có 120/190 hộ làm hương.Công việc không nặng nhọc nên có thể tận dụng được hết nguồn lao động trong làng,từ người già đến trẻ nhỏ đều có thể làm được.Hiện nay Cao Thôn có khoảng 300 lao động làm hương.

Nghệ thuật sản xuất,lựa chọn nguyên liệu: công nghệ sản xuất hương đơn giản,dụng cụ có thể tự tạo hoặc mua sắm không tốn kém,nguyên liệu đều lấy từ thảo mộc,vốn sản xuất không đòi hỏi cao alwms thế nhưng không phải ai cũng có duyên với nghề này.

Nguyên liệu chủ yếu để làm hương là dây keo được mua từ Yên Bái,Qunagr Ninh,Thanh Hóa ... và cả trong miền Nam.Dây keo được nghiền thành bột,sau đó trộn lẫn với với các loại thảo mộc như : xuyên đại hoàng,xuyên quy,trắc bách diệp,hoàng đàn,tùng bạch chỉ,đỉnh hương,mỏ quạ. Tùy từng thợ mà cho ra các loại hương với mùi thơm khác nhau do cách pha chế của mỗi người mỗi khác. Hầu hết các công đoạn từ pha chế thuốc,se,nén đều phải tiến

hành bằng phương pháp thủ công. Nén hương làm xong được phơi trên giàn, nắng gió sẽ làm hương khô, màu sắc đẹp mà giữ nguyên mùi thơm.

Giá trị thẩm mỹ và sử dụng của sản phẩm: Dù ai đi ngược về xuôi nhưng ngày Tết đều hướng lên bàn thờ tổ tiên với một nén nhang tưởng nhớ. Nén nhang trong tín ngưỡng văn hóa Việt không biết từ bao giờ đã trở thành linh khí kết nối dương gian với thần linh và tổ tiên, những người đã khuất. Bởi vậy nghề làm cao hương không chỉ là nghề kinh tế mà đó còn có ý nghĩa lớn lao trong truyền thống uống nước nhớ nguồn của nhân dân ta.

Ở Cao Thôn sản xuất khá nhiều loại hương như : hương máy, xào vòng, quẩn.... Mỗi loại hương đều có đặc điểm sản xuất và hương thơm khác nhau...

Việc tiêu thụ sản phẩm, mức thu nhập và đời sống của người dân từ việc sản xuất: sản lượng hương xạ đạt xấp xỉ 10 triệu năm doanh thu từ 3,5-4 tỷ đồng/năm. Đến thời vụ làm hương, vào hai tháng giáp Tết nguyên đán, người Cao Thôn còn đổ ra các thị xã làm hương bán tại chỗ để giảm bớt chi phí vận chuyển, tuy vậy sản lượng hương sản xuất tại địa phương vẫn là chính. Sản xuất hương ở Cao Thôn hầu hết theo quy mô hộ gia đình, thu nhập bình quân đạt 1.350.000-2.000.000 đồng/người/tháng. Làng nghề này vẫn có triển vọng giữ được nghề và ổn định phát triển.

Cơ chế, chính sách cho phát triển làng nghề: Mới đây, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên đã về nghiên cứu, xây dựng logo riêng cho làng nghề nhằm từng bước quảng bá, xây dựng thương hiệu.

Thực trạng đầu tư bảo vệ bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa vào đời sống kinh tế-xã hội và du lịch: Nghề làm hương không chỉ đem lại hiệu quả kinh tế mà còn rất thân thiện với môi trường. Nhiều năm nay, người thợ vẫn lưu giữ được những bí quyết truyền thống để đảm bảo cho chất lượng hương ngày càng tốt mà không phải sử dụng bất cứ chất hóa học nào. Từ xưa đến nay nham loại cây, thuốc bắc như quế chi hoàng đàn, hồi... vẫn là nguyên liệu để làm ra sản phẩm hương truyền thống.

Với vị trí cửa ngõ, sản phẩm chất lượng cao, người dân hiếu khách, làng nghề hương xạ Cao Thôn thực sự rất có tiềm năng để phát triển du lịch. Nhận thấy tiềm năng này nên chính quyền thành phố đặc biệt chú trọng đến việc quy hoạch phát triển làng nghề hướng đưa vào khai thác du lịch cùng với quần thể di tích phố Hiến.

Sở Văn hóa thể thao và du lịch xác định, du lịch Phố Hiến sẽ không chỉ dừng lại việc tham quan di tích mua sắm ở chợ phố Hiến mà còn kết hợp tham quan làng nghề, mua sắm làng nghề tạo điều kiện cho làng nghề tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, việc này sẽ mang lại nguồn thu lớn.

Tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên rất phong phú, có tiềm năng lớn cho phát triển du lịch, tuy nhiên bên cạnh việc khai thác cũng cần phải bảo vệ tôn tạo các tài nguyên đó để khai thác lâu dài bền vững.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của khóa luận đi sâu vào đánh giá nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên. Từ những phân tích này có thể đánh giá sơ bộ về khả năng phát triển du lịch của thành phố Hưng Yên. Thành phố Hưng Yên có nguồn tài nguyên du lịch nhân văn rất phong phú và đa dạng. Đây là điều kiện tốt cho các doanh nghiệp khi kinh doanh dịch vụ du lịch khai thác tốt để phát triển du lịch của thành phố.

Tuy nhiên du lịch thành phố cũng phải đối mặt với rất nhiều thách thức như: nhiều di tích xã bị xuống cấp, đất đai bị lấn chiếm, ô nhiễm... về việc đầu tư phát triển du lịch, quản lý và bảo vệ tài nguyên còn yếu, hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Mặt khác công tác xúc tiến, quảng bá du lịch còn chưa được coi trọng, sản phẩm du lịch còn nghèo nàn đơn điệu nên chưa thu hút khách ở lại lưu trú dài ngày.

Để tạo nên những điểm nhấn phát triển thương mại dịch vụ, lưu giữ, phát huy những bản sắc của thành phố vốn hưng thịnh, yên bình, các cấp, ngành của tỉnh đang chung tay đầu tư tôn tạo các tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên để phục vụ hiệu quả hơn các hoạt động du lịch.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN DU LỊCH NHÂN VĂN CỦA THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

3.1. Mục tiêu phương hướng phát triển du lịch của thành phố Hưng Yên

3.1.1. Mục tiêu

Tuy còn khiêm tốn nhưng ngành du lịch Hưng Yên đã và đang tạo được những dấu ấn quan trọng. Hiện nay, sản phẩm du lịch của Hưng Yên chủ yếu tập trung khai thác các loại hình gồm:

Du lịch văn hoá, tâm linh: Dựa trên các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể với tâm điểm là Khu di tích quốc gia đặc biệt Phố Hiến (đền Trần, đền Mẫu, Văn Miếu Xích Đằng, chùa Chuông...); khu di tích Đa Hòa – Dạ Trạch; khu di tích Chùa Nôm và làng cổ Đại Đồng; khu di tích Cây Đa và Đền thờ La Tiên; Lễ hội văn hóa dân gian vùng Phố Hiến, lễ hội Chử Đồng Tử – Tiên Dung, lễ hội Phù Ủng... và biểu diễn nghệ thuật truyền thống hát Ca trù, Trống quân, Chèo...

Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cuối tuần: gắn với khu đô thị Ecopark và làng hoa cây cảnh (huyện Văn Giang); tham quan vườn nhãn theo tiêu chuẩn VietGAP (Phố Hiến và Khoái Châu).

Du lịch đường sông (tuyến du lịch sông Hồng): Hưng Yên – Hà Nội.

Du lịch cộng đồng: tham quan các làng nghề truyền thống như Tương Bần (Mỹ Hào); long nhãn, hương xạ Cao Thôn (thành phố Hưng Yên); đúc đồng Lộng Thượng (Văn Lâm); chạm bạc Huệ Lai (Ân Thi)...

3.1.2. Phương hướng

Nhận thức được những tiềm năng, thế mạnh để phát triển du lịch, thời gian qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên đã tích cực tham mưu giúp Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, đề án về phát triển du lịch Hưng Yên như: Kế hoạch số 60-KH/TU ngày 25/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án Tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Theo đó, Hưng Yên xác định 4 khu vực trọng tâm để phát triển du lịch gồm: Khu Phố Hiến (thành phố Hưng Yên), khu Đa Hòa – Dạ Trạch (huyện Khoái Châu), khu Cây Đa và Đền thờ La Tiến (huyện Phù Cừ) và khu du lịch sinh thái Ecopark (huyện Văn Giang). Trong đó, riêng khu Phố Hiến được xác định là khu du lịch cấp quốc gia.

Đây là khu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là trung tâm du lịch của tỉnh Hưng Yên nên cần tập trung khai thác các giá trị văn hóa gắn với Phố Hiến cổ, các giá trị sinh thái, vui chơi giải trí và nghỉ cuối tuần. Hướng khai thác của các khu du lịch này tập trung chủ yếu là khai thác các giá trị lịch sử của di tích; sinh thái ven sông Hồng, thư giãn, vui chơi giải trí thể thao cao cấp và ẩm thực cuối tuần; du lịch sinh thái nông nghiệp, cộng đồng, tham quan làng hoa, cây cảnh... nhằm hướng tới mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

3.1. Đề xuất giải pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch nhân văn.

3.2.1. Giải pháp chung

Trong thời gian vừa qua, công tác quảng bá, xúc tiến du lịch của Hưng Yên đã được quan tâm, đổi mới về nội dung và phương thức quảng bá, nổi bật qua các hoạt động như: Tổ chức Cuộc thi Ảnh đẹp du lịch Hưng Yên năm 2017; tổ chức Hội thảo phát triển du lịch Làng nghề Hưng Yên 2017; Tham gia các hội chợ, sự kiện du lịch: Hội chợ Du lịch quốc tế Việt Nam – VITM Hanoi; Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh; Liên hoan Làng nghề truyền thống; Liên hoan ẩm thực quốc tế Huế; Liên hoan ẩm thực toàn quốc – Quảng Ninh 2018; Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, giới thiệu, quảng bá du lịch tỉnh Hưng Yên trên tuyến phố đi bộ tại Hà Nội năm 2018...

Lượng khách du lịch đến Hưng Yên những năm gần đây tăng cao, chỉ tính năm 2018, toàn tỉnh đón được khoảng 900.000 lượt khách, tăng 13% so với năm 2017; trong đó, khách quốc tế đạt khoảng 20.000 lượt, tăng 16% so với năm 2017, khách nội địa đạt khoảng 880.000 lượt. Tổng doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt khoảng 200 tỷ đồng.

Thời gian tới, cùng với việc triển khai các chủ trương và kế hoạch chuyên ngành, Hưng Yên tập chung khai thác vị trí giáp Thủ đô Hà Nội – trung tâm du lịch lớn của cả nước, trung tâm vùng đồng bằng Bắc bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc; phát triển hệ thống các khu di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch,

đặc biệt là du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch lễ hội truyền thống...

Hung Yên luôn coi trọng việc mở rộng phát triển du lịch với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Tỉnh cũng đã xây dựng các cơ chế ưu đãi nhằm thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nhất là về vốn để xây dựng các cơ sở hạ tầng du lịch tạo ra những điểm đến hấp dẫn. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá, kết hợp với liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, các tỉnh, thành phố để nối tour, tuyến nhằm thu hút du khách đến với tỉnh.

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành, các địa phương cùng với sự tham gia tích cực của nhân dân, hy vọng ngành du lịch Hưng Yên sẽ có bước phát triển đột phá và khẳng định đúng vị trí trong cơ cấu kinh tế của tỉnh và góp phần tích cực trong phát triển du lịch cả nước.

3.1.2. Một số giải pháp cụ thể

****Tuyên truyền, giáo dục nhân dân địa phương hiểu và ý thức được giá trị văn hoá lịch sử của di tích để cùng chính quyền địa phương bảo tồn di tích.***

Trên thực tế thì hầu hết các kiến trúc tôn giáo: đình, chùa, đền, miếu...ở thành phố Hưng Yên đều có dấu hiệu xuống cấp. Để ngăn chặn kịp thời hiện trạng nói trên đòi hỏi nguồn kinh phí khá lớn vượt khỏi khả năng tài trợ của nhà nước. Và nhà nước đã có thông tư liên Bộ Văn Hóa – Thể Thao – Du lịch và Bộ Tài chính về việc quản lý và cấp phát ngân sách cho các hoạt động bảo tồn, bảo tàng trong toàn quốc. Theo tinh thần của Thông tư này Nhà nước có hai nguồn vốn việc tu bổ di tích – vốn xây dựng cơ bản và vốn chống xuống cấp. Song ngân sách của Trung ương không có khả năng đáp ứng tất cả nhu cầu của các địa phương vốn chống xuống cấp di tích chủ yếu mang tính chất động viên, khích lệ, còn Ủy ban nhân dân các cấp cũng phải chủ động dành nguồn ngân sách của địa phương cho hoạt động này. Cần xác định rõ trách nhiệm của nhân dân thành phố Hưng Yên là thay mặt tỉnh Hưng Yên và cả nước giữ gìn bảo vệ một bộ phận di sản văn hoá quan trọng của dân tộc. Vì thế việc huy động sự đóng góp công sức, tiền bạc của đông đảo quần chúng, những người hằng tâm hằng sản vào sự nghiệp bảo tồn di tích là một chủ trương đúng đắn cần được vận dụng một cách chủ động, sáng tạo.

**** Trong chính sách phát triển đô thị hiện đại phải vạch ra phương hướng ưu tiên cho việc bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá.***

Kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới cho thấy việc bảo vệ, tu bổ, phục hồi một cách thụ động được thực hiện thông qua việc đánh giá di tích thuần về mặt thẩm mỹ thì ngay cả trong những trường hợp lý tưởng nhất cũng chỉ góp phần kéo dài tuổi thọ của di tích chứ không thể đảm bảo điều kiện bảo vệ chúng một cách vĩnh viễn... Thực chất di tích kiến trúc theo quy luật của tự nhiên và dưới tác động của các điều kiện thiên nhiên thì trước sau cũng bị biến đổi. Điều quan trọng là phải xác lập cho di tích một chức năng xã hội phù hợp với bản chất của nó, đồng thời chức năng đó lại phải được khẳng định trong cơ cấu chức năng hoàn chỉnh của một đô thị hiện đại. Bảo tàng Hưng Yên nên chủ động nghiên cứu sâu hơn nữa đề tài văn hóa gian gian, lễ hội truyền thống ở các di tích kiến trúc tôn giáo của thành phố Hưng Yên. Trước hết là phân loại, đánh giá và xác định rõ những hình thức sinh hoạt văn hóa nào có những mặt tích cực cần được bảo lưu, khai thác đồng thời cũng đề ra những biện pháp hạn chế, ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực, phi văn hóa thường diễn ra xung quanh các lễ hội đó. Nhưng bao giờ cũng phải nhớ rằng: Các thiết chế tôn giáo – tín ngưỡng thuộc loại hình kiến trúc dân gian là lễ hội truyền thống ở thành phố Hưng Yên là hình thức sinh hoạt văn hóa quần chúng mang tính chất dân dã. Bởi vậy, hãy để cho chúng được tiến triển theo quy luật vận động vốn có, không nên can thiệp rằng “kịch bản lễ hội”. Kịch bản lễ hội nếu áp đặt cứng nhắc đồng loạt cho tất cả các thiết chế tôn giáo tín ngưỡng sẽ gây ra sự khô cứng, làm mất đi sự đa dạng phong phú và độc đáo của từng di tích và nhất là làm lu mờ, phai nhạt tính chất dân gian đáng quý của các mặt hoạt động đó.

**** Đầu tư nghiên cứu để xây dựng những tour du lịch độc đáo, riêng biệt phù hợp với tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố.***

Thành phố Hưng Yên còn lưu giữ 128 di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, trong đó có 17 di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia cùng hàng nghìn cổ vật có giá trị. Với những giá trị độc đáo về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, các di tích này có thể xây dựng rất nhiều tour du lịch văn hóa, du lịch tôn giáo tín ngưỡng, hoặc kết hợp với Hà Nội, Hà Nam để xây dựng tour du lịch “Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến” dọc sông Hồng bằng thuyền. Những tour du lịch không chỉ là phương thức quảng cáo hình ảnh thành phố Hưng Yên với khách du lịch, là động lực để khôi phục lại Phố Hiến xưa, ngoài ra còn là nguồn thu hấp dẫn tạo kinh phí để bảo tồn và tôn tạo những di tích lịch sử văn hóa nơi đây.

Em xin đề xuất một số tour như sau:

Du lịch sông Hồng (2 ngày 1 đêm bằng tàu thủy) : Hà Nội – Đa Hòa – Dạ Trạch – Phố Hiến. Ngoài việc thăm quan các làng nghề và di tích lịch sử văn hóa, em xin đề xuất việc khôi phục lại những trang phục truyền thống xưa của cư dân vùng đồng bằng Bắc Bộ để nhân viên trên tàu có thể mặc phục vụ khách, có thể phục vụ các món ăn truyền thống trên tàu, phục vụ các loại hình nghệ thuật dân gian trên tàu (hát chèo, hát ả đào...)

Du lịch sông Hồng với mục đích cho du khách tận mắt nhìn thấy hình ảnh “trên bến dưới thuyền” của Phố Hiến một thời. Tour du lịch này sẽ đi vào khai thác khi bến tàu Yên Lệnh hoàn thành, thành phố sẽ tái hiện lại cảnh sinh hoạt của cư dân, thương lái ở bến Phố Hiến thế kỉ XVI, XVII. Đây không chỉ là một tour du lịch đơn thuần mà còn có thể giáo dục thế hệ trẻ về niềm tự hào quê hương Hưng Yên một thời phồn thịnh. Đối tượng khách tiềm năng có thể hướng tới là Trung Quốc, Hà Lan, Tây Ban Nha, Nhật Bản,...những quốc gia đã có thời giao thương ở cảng Phố Hiến.

Du lịch sinh thái vườn nhãn. Tour này sẽ kết hợp với thăm quan làng nghề và các vườn nhãn ở thành phố Hưng Yên, nhất là vào mùa nhãn từ tháng 4 dương lịch đến hết tháng 8 dương lịch. Du khách được thăm những vườn nhãn hàng trăm cây, xem người dân địa phương quay mật ong, hái nhãn, chế biến long nhãn và chè sen long nhãn,...du khách có thể tham gia cùng người dân địa phương (nếu muốn), có thể mua đặc sản. Du khách sẽ hiểu hơn về cuộc sống và con người thành phố Hưng Yên.

Nếu có thể đưa vào khai thác, em tin những tour du lịch trên sẽ đem lại hiệu quả cao, góp phần phát triển du lịch của thành phố.

**** Khuyến khích đầu tư vào du lịch, ưu tiên những dự án có tính hiệu quả cao***

Trong chính sách phát triển đô thị hiện đại chúng ta phải vạch ra phương hướng ưu tiên cho việc bảo vệ các di tích lịch sử văn hóa của thành phố Hưng Yên. Quy hoạch mặt bằng tổng thể phát triển thành phố Hưng Yên trong tương lai phải tạo ra sự đối trọng uyển chuyển giữa di sản kiến trúc truyền thống và các công trình hiện đại. Hồ Bán Nguyệt và các thiết chế tôn giáo tín ngưỡng đặc biệt là 8 công trình phân bố trên địa bàn phường Lê Lợi sẽ là những trọng điểm trong mặt bằng tổng thể của thành phố Hưng Yên trong tương lai. Đối với thành phố Hưng Yên tất yếu phải chấp nhận sự xen kẽ giữa các công trình xây dựng

mới và di tích kiến trúc. Nhưng các công trình kiến trúc hiện đại phải hòa nhập, không lấn át, phá vỡ môi trường lịch sử vốn có của di tích. Trong những trường hợp tranh chấp hoặc bất đồng ý kiến về việc phân bổ mặt bằng xây dựng chúng ta nên dành thái độ ưu tiên cho các di tích bởi vì đó là tất cả những gì quý hiếm đã sang lọc thử thách hơn 300 năm qua.

- ***Phát triển du lịch cộng đồng để hướng tới tương lai lâu dài***

Phát triển du lịch cộng đồng và xây dựng chiến lược giáo dục du lịch cộng đồng, giữ gìn cảnh quan và môi trường tự nhiên là vấn đề hết sức quan trọng. Bên cạnh việc bảo tồn giữ gìn môi trường cần phải có chiến lược cụ thể ở từng cấp, từ tỉnh xuống địa phương, giáo dục ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường ở cơ quan, địa phương, giáo dục ý thức trong từng lớp nhân dân để mọi người cùng hiểu rõ được trách nhiệm của mình, giáo dục dân cư đối xử lịch sự, thân thiện, cởi mở với du khách nhằm tạo ra môi trường du lịch hấp dẫn.

Cần thường xuyên nhắc nhở mọi người bảo vệ và giữ gìn sạch đẹp cảnh quan, viết các kiến nghị nhắc nhở mọi người ở những nơi thích hợp, hoặc nơi đặt các thùng rác như: Không ngắt hoa, không dẫm lên cỏ, xin mời hãy bỏ rác vào đây...nên có thêm các biển quảng cáo lưu ý khách ở nơi có nhiều người qua lại như : bãi đỗ xe, dọc đường đi đến các di tích...

Các biện pháp trên không chỉ để người dân địa phương tham gia vào phát triển du lịch cộng đồng mà còn nhắc nhở du khách giữ gìn môi trường cảnh quan nơi đến du lịch.

- ***Giải pháp về bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch***

Sự phát triển bền vững phải luôn gắn liền với môi trường, điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với ngành du lịch, nơi môi trường được xem là vấn đề sống còn quyết định sự phát triển của hoạt động du lịch. Thực trạng môi trường du lịch ở Việt Nam nói chung, ở Ninh Bình nói riêng mặc dù chưa có những vấn đề nghiêm trọng song từng nơi, từng lúc đã có những sự suy thoái và ô nhiễm môi trường gây những tác động tiêu cực đến các hoạt động phát triển du lịch. Chính vì vậy, để ngăn chặn sự suy thoái môi trường và đảm bảo sự phát triển bền vững của du lịch thì cần có những biện pháp:

- Về quy hoạch: Để tránh sự chòng chẹo trong khai thác tài nguyên lãnh thổ giữa các ngành kinh tế, dẫn đến tình trạng cạn kiệt tài nguyên cần thiết phải xây dựng qui hoạch tổng thể trên quan điểm khai thác tối đa và có hiệu quả những tiềm năng du lịch của địa phương, đồng thời phải đảm bảo sự phát triển

bền vững của môi trường sinh thái. Mọi phương án khai thác tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế

- xã hội đều phải được cân nhắc kỹ trên cơ sở những luận cứ khoa học vững chắc có tính đến mối quan hệ với những ngành kinh tế có liên quan

- Về luật pháp và chính sách: Luật Môi trường được ban hành năm 2005 là cơ sở pháp lý cơ bản đối với việc bảo vệ môi trường ở nước ta. Trong lĩnh vực du lịch, hoạt động quản lý đảm bảo môi trường được cụ thể hóa tại quyết định 02 về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch và Chỉ thị 07 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giữ gìn trật tự trị an và vệ sinh môi trường tại các khu điểm du lịch. Mọi hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến môi trường đều phải bị xử lý. Tuy nhiên biện pháp này chỉ thực sự có hiệu quả nếu như thiết lập được hệ thống quản lý và kiểm soát sự biến động môi trường dưới tác động của các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

- Về kỹ thuật: Đây là giải pháp cần thiết nhằm khắc phục có hiệu quả các sự cố về môi trường, sự cố thiên tai,... Đối với các điểm có tiềm năng du lịch lớn cần thiết phải xây dựng các phương án phòng chống sự cố và khắc phục hậu quả để có thể giảm tối đa những tác động tiêu cực các hoạt động kinh tế - xã hội và thiên tai đến môi trường.

- Về đào tạo: Trong mọi trường hợp yếu tố con người có vị trí quan trọng hàng đầu. Chính vì vậy, để đảm bảo chiến lược phát triển môi trường bền vững cần phải tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí, tạo điều kiện để toàn dân biết và tham gia phát triển ngành du lịch. Đồng thời phải có chiến lược đào tạo bồi dưỡng để có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ và hiểu biết cao về môi trường.

3.2. Một số đề nghị

3.3.1. Kiến nghị với nhà nước và tổng cục du lịch

Có các chính sách đầu tư, chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng các tuyến điểm du lịch, các khu du lịch. Đồng thời, tu bổ và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá quốc gia và các di sản thế giới.

Phát triển du lịch Việt Nam cần đi đôi với phát triển kinh tế đất nước và bảo vệ môi trường trong sạch, bền vững, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

Đề nghị chính phủ triển khai thành lập quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, lấy du lịch nuôi du lịch để ngành du lịch có kinh phí chủ động hỗ trợ đầu tư, nâng cấp các tuyến điểm du lịch giúp cho sản phẩm du lịch được hoàn thiện hơn.

Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch bằng việc quy hoạch tạo ra các điểm du lịch, các khu du lịch và các loại hình du lịch hấp dẫn. Khai thác và tu bổ các tài nguyên du lịch, các điểm du lịch đã hình thành ở các địa phương. Quy hoạch xây dựng các khu vui chơi giải trí mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế nhằm phát triển ngành du lịch ở nước ta trong những năm tới.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam cho nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới biết đến các điểm du lịch nổi tiếng của đất nước mình qua các hoạt động quảng cáo trên internet, băng, đĩa hay qua các ấn phẩm, tờ rơi, tập gấp.

Tổng cục du lịch chủ trì lập đề án với sự tham gia của các ngành: công an, ngoại giao, giao thông vận tải, hàng không, hải quan, tài chính... nhằm nâng cao dịch vụ du lịch, đảm bảo an ninh an toàn cho khách, tạo điều kiện cho việc làm thủ tục xuất nhập cảnh cho khách du lịch được nhanh chóng, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến việc đi lại lưu trú, tham quan giải trí của khách du lịch đặc biệt là làm thị thực, visa.

Tổng cục du lịch nên khẩn trương lập chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho nhu cầu trước mắt và lâu dài. Tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế đẩy nhanh công tác đào tạo.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về du lịch theo hai hướng:

- Nghiên cứu hình thức hội nhập gắn du lịch Việt Nam với thị trường du lịch khu vực và trên thế giới.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo nghiên cứu và chuyển giao công nghệ làm cho du lịch Việt Nam nhanh chóng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đuổi kịp trình độ các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

3.3.2. Kiến nghị với tỉnh Hưng Yên

Tập trung khai thác phát triển sản phẩm du lịch chủ lực dựa trên đặc điểm và thế mạnh tài nguyên du lịch của tỉnh đối với vùng. Ở đây theo định hướng cần phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, ẩm thực gắn với văn minh lúa nước sông Hồng, nghỉ cuối tuần, du lịch đường sông, sinh thái nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, đặc biệt chú trọng phát triển điểm du lịch quốc gia Phố Hiến, tạo thành thương hiệu du lịch Hưng Yên. Bên cạnh đó khai thác phát triển những điểm đặc biệt như tâm điểm Đồng bằng sông Hồng và các làng nghề gắn với du lịch nông nghiệp, nông thôn như làng Việt cổ Mạn Xuyên, làng nghề tương Bần,

Đa Hòa – Dạ Trạch gắn với truyền thuyết Đầm Dạ Trạch đi đôi với phát triển các sản phẩm hoang hóa như gà Đông Tảo, nhãn lồng...

Tăng cường hợp tác liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong vùng đặc biệt với Thủ đô Hà Nội và các trung tâm du lịch lớn. Đối với Hà Nội, cần đẩy mạnh phát triển du lịch cuối tuần, vui chơi giải trí, du lịch đường sông theo sông Hồng. Đối với các trung tâm khác như Hải Phòng, Quảng Ninh cần liên kết phát triển các tuyến du lịch trên cơ sở các tuyến du lịch quốc gia. Đối với các tỉnh khác trong vùng, đẩy mạnh hợp tác phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp nông thôn xung quanh chủ đề “Văn minh lúa nước sông Hồng”.

Tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc để xúc tiến quảng bá hình ảnh du lịch Hưng Yên bên cạnh hình ảnh du lịch của vùng.

Nâng cấp hệ thống giao thông, cải tạo môi trường cảnh quan, môi trường văn hóa du lịch thân thiện, mến khách.

Liên kết với Thủ đô Hà Nội và các trung tâm du lịch khác để đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cho lao động ngành góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch của tỉnh để hòa nhập với trình độ du lịch các tỉnh trong vùng.

Tiểu kết chương 3

Để thành phố Hưng Yên mãi mãi xứng đáng với một thời phát triển vàng son, để nơi đây hấp dẫn du khách và phát triển bền vững, cần phải có những định hướng đúng đắn, rõ ràng và những giải pháp ngắn hạn cũng như dài hạn cho hoạt động du lịch ngày càng hiệu quả hơn mà không làm mất đi giá trị đích thực vốn có từ bao đời nay. Trên đây là một số giải pháp mà em xin trình bày để tham khảo góp phần cho chiến lược phát triển du lịch bền vững tại các điểm du lịch trên địa bàn thành phố Hưng Yên

KẾT LUẬN

Qua việc đánh giá nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên, chúng ta đã có được cái nhìn khách quan hơn về du lịch của địa phương. Với tiềm lực dồi dào, du lịch thành phố Hưng Yên nhất định sẽ phát triển mạnh mẽ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển du lịch của vùng và cả nước.

Thực hiện khóa luận này em đã giải quyết được một số vấn đề sau:

*Tìm hiểu cơ sở lý luận chung về tài nguyên du lịch, đặc biệt là tài nguyên du lịch nhân văn; các phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch.

*Đánh giá được giá trị tài nguyên nhân văn của thành phố, bao gồm: các di tích lịch sử văn hoá, các lễ hội truyền thống, các làng nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật dân gian truyền thống.

*Đánh giá được những hạn chế trong việc sử dụng và khai thác tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố Hưng Yên, thực trạng hoạt động du lịch của thành phố.

*Đưa ra các giải pháp cho việc sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch nhân văn của thành phố.

Tuy nhiên trong đề tài này do lần đầu em làm quen với công tác nghiên cứu nên không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót, rất mong có được sự quan tâm đóng góp của thầy cô và các bạn để có được cách hiểu toàn diện và sâu sắc hơn.

Việc đánh giá tài nguyên du lịch là một việc làm hết sức khó khăn, với việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn cũng tương tự, đòi hỏi kiến thức sâu rộng, thời gian tìm hiểu, đánh giá và nguồn kinh phí không nhỏ. Tuy vậy, đây cũng là một việc làm bức thiết và quan trọng bởi đây chính là nền móng đầu tiên cho việc thực hiện chiến lược phát triển ngành du lịch của một địa phương một cách hợp lý và hiệu quả nhất. Điều này lại càng có ý nghĩa quan trọng hơn với thành phố Hưng Yên vì du lịch có thể phát huy những thế mạnh sẵn có của thành phố, đặc biệt có thể khắc phục được một số khó khăn mà tỉnh đang gặp phải.

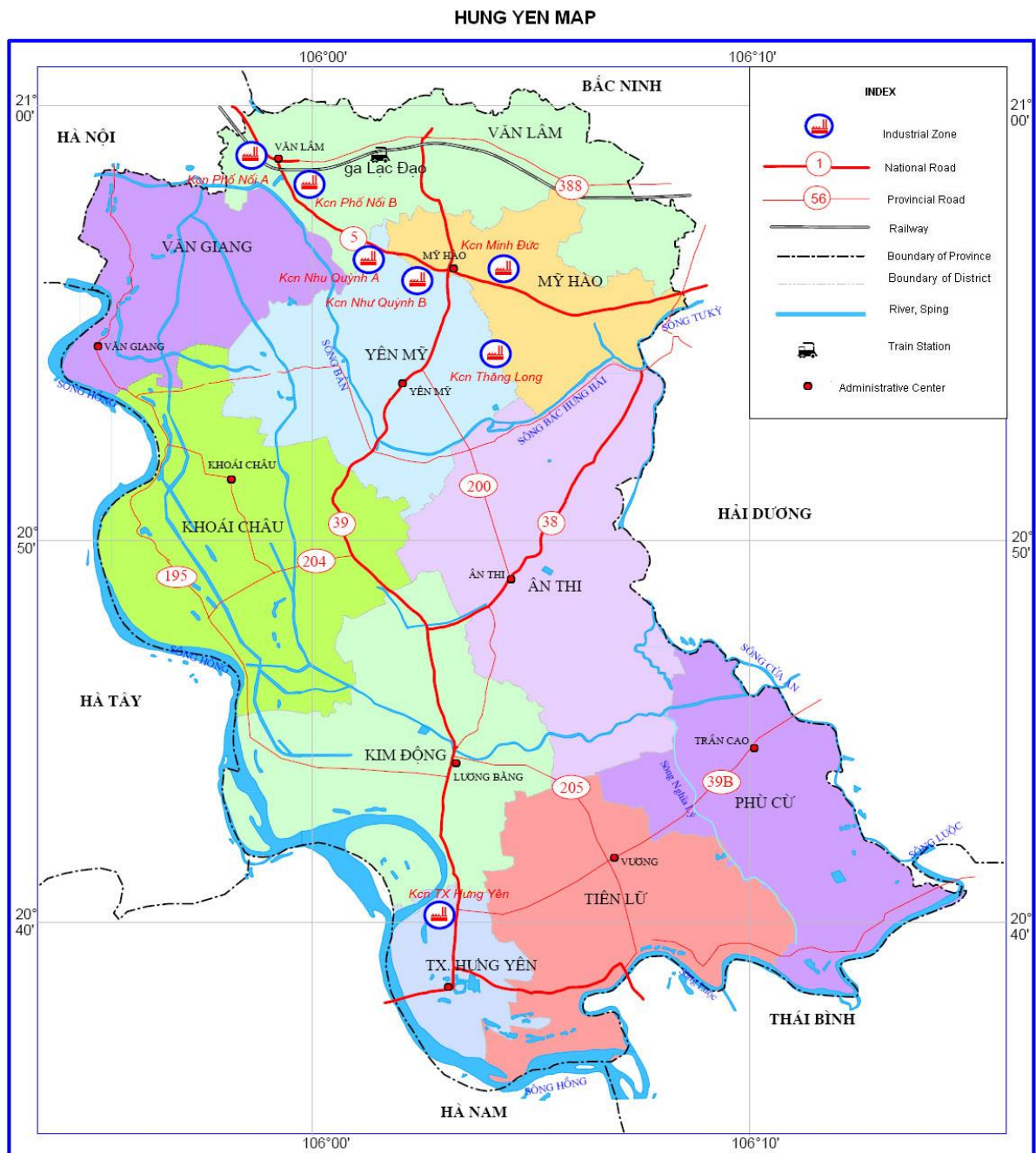
Qua đề tài này e rất mong chính quyền tỉnh và thành phố Hưng yên sẽ có những chính sách phù hợp để phát triển ngành du lịch của thành phố, góp phần đẩy nhanh hơn nữa mục tiêu trở thành thành phố loại 2 xanh, sạch, đẹp, và phát triển của tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tài liệu tham khảo trên sách in
 1. Cục thống kê Hưng Yên – Niên giám thống kê 2010, Nxb Thống Kê, 2010.
 2. Bùi Thị Hải Yên (chủ biên), Phạm Hồng Long – Tài nguyên du lịch – Nxb Giáo dục, 2009.
 3. Hoàng Hữu Xứng, Hoàng Hữu Thường, Nguyễn Hữu Độ, Nguyễn Thuật, Phan Đình Bình – Đại Nam Nhất Thống Chí (tập III) – Nxb Viện sử học thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2006
 4. Hội Văn học nghệ thuật Hưng Yên – Phổ Hiến lịch sử văn hóa - Nxb Sở Văn hóa thông tin, 1998.
 5. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) – Địa lý du lịch – Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
 6. Nguyễn thị Huyền – Báo cáo thực trạng của văn hóa phi vật thể của thị xã Hưng Yên, Nxb Bảo tàng Hưng Yên, 2007
 7. Phạm Văn Tuấn – Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh du lịch năm 2010, Nxb Sở văn hóa thể thao du lịch tỉnh Hưng Yên, tháng 4 – 2010
 8. Quốc hội Việt Nam – Luật du lịch – Nxb Lao động, 2006.
 9. Tổng cục du lịch – Non nước Việt Nam – Nxb Lao động – Xã hội, 2010.
 10. Sở Văn hóa thông tin – Thể thao Hải Hưng – Phổ Hiến – Kỷ yếu hội thảo khoa học – Nxb Sở văn hóa thông tin – Thể thao Hải Hưng , 1994.
 11. Trần Đức Thanh – Nhập môn khoa học du lịch – Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
 12. Trần Mạnh Hùng – Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, thị xã Hưng Yên, tháng 3 – 2008.
 13. Trần Văn Thông – Quy hoạch du lịch – Những vấn đề lý luận và thực tiễn – Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
 14. Vũ Triệu Quân – Bài giảng địa lý du lịch (dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp Hà Nội) – Nxb lao động Hà Nội, 2009.
- Tham khảo trên website
 1. <http://www.baohungyen.vn>
 2. <http://www.hungyentv.vn>
 3. <http://www.hungyen.gov.vn>

Phụ Lục

Bản đồ hành chính thành phố Hưng Yên



Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Hưng Yên

Sơ đồ một số di tích lịch sử văn hóa và điểm tham quan nổi bật của thành phố Hưng Yên



Nguồn: Phòng văn hóa thành phố Hưng Yên



Thành phố Hưng Yên



Hồ bán nguyệt



Văn Miếu Xích Đằng



Chùa Chuông



Lễ Hội Đền Mẫu



Mùa hoa nhãn



Thu hoạch nhãn Hưng Yên



Bún thang lươn – Đặc sản Hưng Yên



Chè sen Long Nhãn